UBND HUYỆN ĐĂK SONG

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TẤT THÀNH**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK NÔNG - 2023

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Cấn Thị Thành | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Trần Thị Hải Vân | Tổ phó chuyên môn | Thư ký Hội đồng |  |
| 4 | Trương Thị Tư | Văn Thư | Thư ký Hội đồng |  |
| 5 | Lê Văn Diện | Chủ tịch BCH công đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Vũ Như Tri | Phó Chủ tịch BCH công đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 7 | Phạm Thị Thắm | Phó Bí thư đoàn thanh niên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Đinh Thị Thủy | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Vi Thị Thanh Lịch | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Trần Văn Bản | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 11 | Dương Thị Thái Phượng | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 12 | Lê Thị Duy Hằng | Tổ phó chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 13 | Đồng Thị Huyền | Tổ phó chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 14 | Phan Thị Kim Thiệu | Kế toán | Ủy viên Hội đồng |  |
| 15 | Đinh Thị Luân | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 16 | Lang Văn Lịch | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 17 | Nguyễn Thị Hồng Sâm | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| **Mục lục** | **1** |
| **Danh mục các chữ viết tắt** | **4** |
| **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá** | **5** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **7** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **13** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **13** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **14** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **14** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **14** |
| **Mở đầu** | **14** |
| **Tiêu chí 1.1** | **15** |
| **Tiêu chí 1.2** | **16** |
| **Tiêu chí 1.3** | **18** |
| **Tiêu chí 1.4** | **22** |
| **Tiêu chí 1.5** | **24** |
| **Tiêu chí 1.6** | **26** |
| **Tiêu chí 1.7** | **29** |
| **Tiêu chí 1.8** | **31** |
| **Tiêu chí 1.9** | **33** |
| **Tiêu chí 1.10** | **35** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **39** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **40** |
| **Mở đầu** | **40** |
| **Tiêu chí 2.1** | **40** |
| **Tiêu chí 2.2** | **42** |
| **Tiêu chí 2.3** | **44** |
| **Tiêu chí 2.4** | **46** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **47** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **48** |
| **Mở đầu** | **48** |
| **Tiêu chí 3.1** | **48** |
| **Tiêu chí 3.2** | **50** |
| **Tiêu chí 3.3** | **52** |
| **Tiêu chí 3.4** | **53** |
| **Tiêu chí 3.5** | **54** |
| **Tiêu chí 3.6** | **56** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **58** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **59** |
| **Mở đầu** | **59** |
| **Tiêu chí 4.1** | **59** |
| **Tiêu chí 4.2** | **61** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **63** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **63** |
| **Mở đầu** | **63** |
| **Tiêu chí 5.1** | **64** |
| **Tiêu chí 5.2** | **67** |
| **Tiêu chí 5.3** | **69** |
| **Tiêu chí 5.4** | **71** |
| **Tiêu chí 5.5** | **74** |
| **Tiêu chí 5.6** | **76** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **80** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **80** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2 |
| 2 | ANTT | An ninh trật tự |
| 3 | ATGT | An toàn giao thông |
| 4 | BĐD CMHS | Ban đại diện cha mẹ học sinh |
| 5 | BTTND | Ban thanh tra nhân dân |
| 6 | CBGVNV | cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 7 | CLB | Câu lạc bộ |
| 8 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 9 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 10 | GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 11 | GVBM | Giáo viên bộ môn |
| 12 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 13 | HĐNGLL | Hoạt động ngoài giờ lên lớp |
| 14 | HĐSP | Hội đồng sư phạm |
| 15 | HSG | Học sinh giỏi |
| 16 | TDTT | Thể dục thể thao |
| 17 | THCS | Trung học cơ sở |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X |  |

**Kết quả: *Đạt Mức 2***

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TẤT THÀNH**

Cơ quan chủ quản: **Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK NÔNG |  | Họ và tên  hiệu trưởng | CẤN THỊ THÀNH |
| Huyện/quận /thị xã /thành phố | Huyện Đắk Song |  | Điện thoại | 05013710996 |
| Xã / phường/thị trấn | Thị Trấn Đức An |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức độ 1 |  | Website | c2nguyentatthanh.pgddaksong.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2010 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khan |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khan |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Khối lớp 6 | 5 | 6 | 6 | 5 | 5 |
| Khối lớp 7 | 4 | 5 | 5 | 6 | 5 |
| Khối lớp 8 | 4 | 4 | 5 | 5 | 6 |
| Khối lớp 9 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| **Cộng** | 17 | 19 | 20 | 21 | 21 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| **I** | **Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập** | 27 | 27 | 27 | 27 | 27 |  |
| **1** | **Phòng học** | 21 | 21 | 21 | 17 | 17 |  |
| a | Phòng kiên cố | 21 | 21 | 21 | 17 | 17 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **2** | **Phòng học bộ môn** | 3 | 3 | 3 | 4 | 4 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 4 | 4 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **3** | **Khối phục vụ học tập** | 3 | 3 | 3 | 6 | 6 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 6 | 6 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | **Khối phòng hành chính-quản trị** | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | **Thư viện** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | **Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**a) Số liệu tại thời điểm TĐG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 1 | 0 | 0 | 2 | 0 |  |
| Giáo viên | 39 | 32 | 3 | 0 | 39 | 1 |  |
| Nhân viên | 4 | 3 | 0 | 1 | 3 | 0 |  |
| **Cộng** | 45 | 37 | 3 | 1 | 44 | 1 |  |

**b) Số liệu của 5 năm gần đây**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 36 | 37 | 35 | 39 | 39 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2.1 | 1.9 | 1.75 | 1.85 | 1.85 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 43.5 | 42 | 42.2 | 45.9 | 44.2 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 7 | 8 | 4 | 9 | 6 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 2 | 3 | 3 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

**a) Số liệu chung**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 725 | 786 | 854 | 855 | 884 |  |
| *- Nữ* | 359 | 382 | 417 | 416 | 441 |  |
| *- Dân tộc* | 35 | 30 | 24 | 21 | 22 |  |
| *- Khối lớp 6* | 210 | 225 | 251 | 209 | 233 |  |
| *- Khối lớp 7* | 183 | 210 | 219 | 239 | 210 |  |
| *- Khối lớp 8* | 168 | 183 | 201 | 209 | 236 |  |
| *- Khối lớp 9* | 164 | 168 | 183 | 198 | 205 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 210 | 225 | 250 | 210 | 233 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 0 | 19 | 20 | 0 | 0 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 42.6 | 41.3 | 42.7 | 40.7 | 42 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi |  |  |  |  | 100% |  |
| *- Nữ* |  |  |  |  | 100% |  |
| *- Dân tộc thiểu số* |  |  |  |  | 100% |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 29 | 35 | 43 | 38 | 47 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 1 | 1 | 1 | 12 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 18 | 15 | 21 | 20 | 37 |  |
| *- Nữ* | 1 | 1 | 0 | 1 | 2 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 3 | 2 | 2 | 3 | 5 |  |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 |  |

**b) Kết quả giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 98 | 109 | 145 | 165 | 158 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 235 | 254 | 357 | 351 | 383 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 38 | 35 | 35 | 36 | 14 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 530 | 702 | 720 | 777 | 826 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 140 | 137 | 120 | 70 | 55 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0 | 2 | 1 | 2 | 0 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được thành lập từ ngày 26 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 671/QĐ-UBND của UBND huyện Đắk Song. Sau 13 năm xây dựng và phát triển, trường trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành không những đã “thay da đổi thịt” về cơ sở vật chất mà chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Từ 14 lớp học, 560 học sinh và 24 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, dến nay, những số liệu đó đã tăng lên với 885 học sinh được biên chế 21 lớp học, 45 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

Trường thuộc Tổ 4, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, tọa lạc tại vị trí trung tâm thị trấn huyện phía Tây, Nam, Bắc giáp đường đi; phía Đông giáp sân bóng tư nhân. Địa chỉ trang tin điện tử; c2nguyentatthanh.pgddaksong.edu.vn.

Trong những năm qua đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các em học sinh đã không ngừng phấn đấu, thi đua thực hiện nhiệm vụ “Dạy tốt, học tốt”; cùng với sự hỗ trợ tích cực của các lực lượng giáo dục, đặc biệt sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương, của ngành giáo dục huyện Đắk Song. Nhà trường luôn quan tâm đến đổi mới giáo dục, nâng cao chất lương dạy và học; công tác quản lý, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan trường, lớp, môi trường giáo dục, quản lý viên chức, người lao động, xây dựng đội ngũ vừa hồng vừa chuyên; chất lượng học sinh lên lớp cao, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt tỉ lệ 100%; phong trào học sinh giỏi các cấp có chất lượng. Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động của Đoàn, Đội được triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú, sinh động. Với thành tích đạt được, trong những năm qua đã nhà trường có những đóng góp tích cực cho phong trào giáo dục huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc.

Trường trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành có đầy đủ các tổ chức, đoàn thể và các tổ chuyên môn theo Điều lệ trường phổ thông; tổng số 45 giáo viên, nhân viên và CBQL, 98% có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên. Nhân sự nhà trường chia thành 4 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng.

Cơ sở vật chất được xây dựng kiên cố và đúng chuẩn, khang trang trên diện tích 6.473 m2, có 17 phòng học và 10 phòng được bố trí là phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập; lớp học, các phòng học bộ môn được trang bị, sắp xếp đảm bảo theo quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế.

Trường có tổ chức Chi bộ đảng gồm 20 đảng viên, Chi bộ nhiều năm liền được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chi bộ giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên nhiều năm đạt vững mạnh, xuất sắc, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Năm 2018, trường THCS Nguyễn Tất Thành được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục mức 2. Đến nay, mục đích tự đánh giá của nhà trường là xem xét, kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 18/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất…Từ đó, thực hiện các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; tiếp tục duy trì, phát huy các mặt mạnh, khắc phục các mặt tồn tại. Đồng thời đây cũng là cơ sở giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá, công nhận nhà trường tiếp tục đạt trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm có 17 thành viên theo Quyết định số 01/QĐ-K ĐCL ngày 20 tháng 9 năm 2022. Căn cứ quyết định thành lập, Hội đồng kiểm định tiến hành xây dựng Kế hoạch tự đánh giá số 01/KH-KĐCL ngày 22 tháng 9 năm 2022 đồng thời tổ chức tập huấn cho các thành viên chính thức và các thành viên khác có liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ tự đánh giá theo phân công. Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của công việc. Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường thấy được thực trạng điểm mạnh cần được tiếp tục phát huy, điểm yếu của trường cần được khẩn trương và quyết tâm khắc phục, xác định được mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.  
 Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các thành viên thực hiện các tiêu chí. Để đảm bảo tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thu thập các minh chứng chính xác, đó là những minh chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong những năm qua. Bản báo cáo là công trình khoa học, tập trung trí tuệ và công sức cao của tập thể, là nền tảng để nhà trường làm cơ sở phấn đấu trong những năm tiếp theo.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**TIÊU CHUẨN 1. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG**

**Mở đầu**

Nhà trường có xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 - 2014 và tầm nhìn đến 2030, phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục và theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Hội đồng trường và các hội đồng khác đã tham mưu, tư vấn và hỗ trợ tích cực cho lãnh đạo nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Chi bộ đảng có 20 đảng viên, đây là lực lượng nòng cốt, tiên phong đề ra chủ trương, các giải pháp để lãnh đạo các hoạt động và phát triển nhà trường trong từng giai đoạn.

Trường trung học cở Nguyễn Tất Thành có Hiệu trưởng, 2 Phó hiệu trưởng, 4 tổ Chuyên môn và 1 tổ Văn phòng; có 21 lớp học, bao gồm từ lớp 6 đến lớp 9, bình quân 42 học sinh/lớp; trường thực hiện tốt hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định; việc quản lý, phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường công khai, minh bạch và hợp lý, đã góp phần phát huy tốt trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, việc rà soát, kiểm tra, đánh giá, phù hợp kịp thời và có hiệu quả; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; có phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật.

**Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

***Mức 1***

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

***Mức 2***

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

***Mức 3***

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Thực hiện xây dựng kế hoạch về Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục được quy định tại Luật giáo dục (Điều 29 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 43/VBHN-VPQH ngày 14 tháng 06 năm 2019), phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực về mặt con người [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn luôn được công bố công khai bằng nhiều hình thức: Niêm yết tại bảng tin, Website nhà trường, các phương tiện thông tin đại chúng và nhiều hình thức khác. Được đưa vào nghị quyết hoạt động của nhà trường hàng năm [H1-1.1-02].

***Mức 2***

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua  hội nghị CNVC đầu năm. Bên cạnh đó, phân công nhiệm vụ cho các cá nhân và tổ chức trong nhà trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

***Mức 3***

Định kì rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương hướng, chiến lược để xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với từng giai đoạn. Hoàn thành phương hướng chiến lược giai đoạn 2019-2024 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 sát với thực tiễn, duy trì và giữ vững trường chuẩn quốc gia cấp độ I [H1-1.1-01].

Khi tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia góp ý và nhất trí cao của các thành viên trong Hội đồng trường, các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng theo từng giai đoạn, sát thực phù hợp với sự phát triển kinh tế của địa phương xã Đăk N’Drung, phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao, có tính chiến lược, định hướng cho quá trình phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2020-2025. Các giải pháp đưa ra sát thực, cụ thể, rõ ràng dễ thực hiện. Kế hoạch được xác định rõ đúng tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi với sự phát triển kinh tế của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Thời gian xây dựng chiến lược còn ngắn nên việc trưng cầu ý kiến đóng góp của cộng đồng, sự tham gia ý kiến rộng rãi trong phụ huynh học sinh còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tiếp tục tăng cường công tác rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện hiện có của nhà trường, với định hướng đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước theo từng thời điểm. | Hội đồng trường | Ý kiến chỉ đạo của cấp trên, của các cấp Uỷ Đảng, ban ngành. | Từ tháng 5/2023 | Không |
| Lấy ý kiến rộng rãi góp ý kế hoạch chiến lược. | Hiệu trưởng | Sự phối hợp của CMHS, cộng đồng. | Từ tháng 5/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

***Mức 1***

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

***Mức 2***

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021 – 2026 được thành lập vào tháng 11/2021, gồm 15 thành viên gồm Bí thư Chi bộ (Hiệu trưởng) - đại diện Chi bộ, Phó Bí thư Chi bộ (Phó Hiệu trưởng) - đại diện lãnh đạo nhà trường, Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM), 4 tổ trưởng chuyên môn, 1 tổ trưởng tổ văn phòng và 1 thư ký [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua khen thưởng - Kỉ luật gồm 13 thành viên gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM, Tổng phụ trách Đội TNTPHCM, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng [H1-1.2-02].

Ngoài ra, còn có các tổ tư vấn về chuyên môn nghiệp vụ các Hội thi theo quyết định như: Kì thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa; các cuộc thi trên mạng; thi KHKT, ST TTNNĐ…[H1-1.2-03].

Định kỳ vào đầu năm học, Hội đồng trường tổ chức họp quyết nghị một số vấn đề về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển; quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phân công giám sát các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường có xây dựng đầy đủ kế hoạch nhiệm kỳ, kế hoạch năm. Một năm Hội đồng trường tổ chức họp đều đặn 3 lần vào các thời điểm như đầu năm, kết thúc học kỳ 1 và cuối năm học và đột xuất (nếu có) [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua khen thưởng tham mưu, đề xuất cho Hiệu trưởng các chủ trương, biện pháp đầy mạnh phong trào thi đua trong trong học kỳ. Cuối năm học đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị cấp trên phong tặng các danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.2-02].

Hội đồng kỷ luật nhà trường được thành lập cụ thể từng đợt khi có cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh vi phạm. Trong năm học 2022-2023, Hội đồng kỷ luật nhà trường đã họp xét kỷ luật 3 giáo viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình theo quy định, 3 trường hợp học sinh đánh nhau với hình thức phê bình tại lớp [H1-1.2-02].

Cuối mỗi năm học, nhà trường có tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, đồng thời chỉ rõ những mặt được, chưa được để rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch hoạt động cho giai đoạn  tiếp theo, nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

***Mức 2***

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật các tổ tư vấn về chuyên môn nghiệp vụ các Hội thi theo quyết định hoạt động có hiệu quả, tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt đưa nhà trường ngày một phát triển, được đề nghị tặng bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho tập thể đạt thành tích trong phòng trào "Thi đua đổi mới trong công tác lãnh đạo, dạy và học"; cờ thi đua của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông và được khen thưởng tập thể xuất sắc trong năm học 2022 – 2023 [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường đã đề ra những quyết sách quan trọng, cấp bách, mang tính đột phá trong hoàn cảnh mới. Đặc biệt trong đại dịch Covid 19, Hội đồng trường đã chỉ đạo nhà trường đưa ra các giải pháp, kế hoạch hướng dẫn học sinh học tập tại nhà có hiệu quả.

Hội đồng thi đua khen thưởng họp đúng thời điểm, phát hiện được những tấm gương điển hình tiên tiến để đề nghị khen thưởng, khích lệ kịp thời, tạo động lực phấn đấu cho giáo viên, học sinh.

**3. Điểm yếu**

Thành viên các Hội đồng đều là kiêm nhiệm vì vậy còn hạn chế về kiến thức chuyên môn cũng như thời gian trong công tác Hội đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tiếp tục phát huy các mặt mạnh | Thành viên các Hội đồng | Không | Hàng tháng | Không |
| - Tiếp tục nghiên cứu tài liệu; sắp xếp thời gian hợp lí cho công tác các Hội đồng.  - Tổ chức tập huấn cho các thành viên hội đồng trường, về quyền, nhiệm vụ của hội đồng trường; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐT | - Thành viên các Hội đồng  - Chủ tịch Hội đồng | Xây dựng, sắp xếp công tác để bố trí thời gian hợp lí | 12/9/2022 | Không |

**5. Tự đánh giá:**

5.1. Xác định từng chỉ báo:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

5.2. Kết quả: **Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

***Mức 1***

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

***Mức 2***

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

***Mức 3***

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Nhà trường có các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh với cơ cấu thành viên phù hợp, được phân công nhiệm vụ cụ thể đảm bảo theo quy định [H1-1.3-01], [H1-1.3-02], [H1-1.3-03], [H1-1.3-04].

Tổ chức Công đoàn gồm có 45 công đoàn viên, trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Đắk Song. Ban chấp hành 2 đồng chí (1 Chủ tịch công đoàn và 1 ủy viên phụ trách công tác TDTT, nữ công, kiểm tra và kế toán thủ quỹ) [H1-1.3-02].

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Gồm có 10 đoàn viên giáo viên, 29 đoàn viên học sinh. Ban chấp hành Chi đoàn 03 đồng chí (1 Bí thư, 1 phó bí thư, 1 ủy viên) [H1-1.3-03].

Đội Thiến niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm có 21 chi đội với 885 đội viên; Ban chỉ huy Liên đội có 15 đội viên là những đội viên tiêu biểu, xuất sắc được lựa chọn từ các Chi đội [H1-1.3-04].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức từ đó đã góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Công đoàn cơ sở xây dựng đầy đủ các quy chế. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, quy chế phối hợp giữa Ban chấp hành với Hiệu trưởng, quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm tra, quy chế hoạt động của Ban nữ công, quy chế chi tiêu nội bộ tài chính Công đoàn và tổ chức hoạt động theo quy chế; hàng năm, học kì đều có xây dựng phương hướng hoạt động; hàng tháng đều có xây dựng kế hoạch và tổ chức họp Ban chấp hành, họp toàn thể đoàn viên. Công đoàn cơ sở tổ chức hoạt động đúng theo nhiệm vụ và quyền hạn như tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động; đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước; tham gia và kiến nghị với nhà trường xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế trong đơn vị; tham gia các phiên họp có liên quan đến người công đoàn viên; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát họat động của nhà trường; phát triển công đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; quản lý tài chính, tài sản của Công đoàn [H1-1.3-05].

Chi đoàn xây dựng đầy đủ các quy chế: Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, văn bản tham mưu với Hiệu trưởng; tổ chức hoạt động theo Điều lệ; hàng năm, học kì đều có xây dựng phương hướng họat động; hàng tháng đều có xây dựng kế hoạch và tổ chức họp Ban chấp hành, họp toàn thể đoàn viên. Chi đoàn tổ chức hoạt động đúng theo nhiệm vụ và quyền hạn như đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, thanh thiếu nhi; tổ chức các hoạt động, giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi, tích cực xây dựng cơ sở Đoàn vững mạnh; Chi đoàn kết nạp đoàn viên mới, quản lý đoàn viên, tiếp nhận, chuyển sinh hoạt Đoàn; giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp, xây đựng đoàn kết nội bộ, tổ chức hoạt động các phong trào tập hợp thanh niên [H1-1.3-05].

Đội Thiếu niên có đầy đủ kế hoạch năm, học kỳ và hàng tháng, Ban chỉ huy Liên đội tổ chức họp đúng định kỳ và tổ chức hoạt động đúng nhiệm vụ như các chi đội và đội viên đều phải phấn đấu, rèn luyện thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy; các chi đội có trách nhiệm giúp đỡ đội viên phát triển mọi khả năng trong học tập, hoạt động, vui chơi; các chi đội và đội viên thực hiện các quyền và bổn phận của trẻ em.Tổng phụ trách Đội tổ chức họp Ban chỉ huy Liên đội định kỳ đúng quy định; tổ chức sinh hoạt nghi thức đội, xây dựng đầy đủ chương trình, kế họach năm, học kỳ, tháng và tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của. Tổng phụ trách Đội, thường xuyên tham mưu với nhà trường về công tác Đội, hàng năm tổ chức xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Đội và bồi dưỡng đội ngũ phụ trách chi đội, ban chỉ huy Đội. Phối hợp với Bí thư Chi Đoàn tổ chức sinh hoạt Đội, phong trào thiếu nhi. Tổng phụ trách Đội tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, công tác Đội và phong trào thiếu nhi do Hội đồng Đội tổ chức [H1-1.3-05].

Trong từng tháng, từng học kỳ và cuối năm học, các đoàn thể trong nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá hoạt động trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Thời điểm cuối năm học, tổ chức họp Ban chấp hành kiểm điểm lại những mặt làm được, chưa được, rút ra những ưu điểm, hạn chế và đề ra hướng khắc phục, sau đó tổ chức họp toàn thể đoàn viên báo cáo lại và rút kinh nghiệm chung. Đặc biệt cuối năm học các đoàn thể trong nhà trường tự đánh giá và nhận xét và tự xếp loại gửi về cấp trên [H1-1.3-02], [H1-1.3-03], [H1-1.3-04].

***Mức 2***

Chi bộ trường THCS Nguyễn Tất Thành trực thuộc Đảng bộ thị trấn Đức An đã thực hiện việc chỉ đạo mọi hoạt động của tổ chức Đảng trong nhà trường. Chi bộ gồm 20 đảng viên, trong đó có 4 nam, 16 nữ và 1 bí thư, 1 phó bí thư, 3 ủy viên [H1-1.3-01].

Chi bộ hoạt động theo điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức sinh hoạt thường kỳ mỗi tháng ít nhất một lần, theo văn kiện của Đảng và các hướng dẫn của Đảng. Các đồng chí đảng viên thực hiện đóng góp đảng phí nghiêm túc. Tổ chức Đại hội Chi bộ theo nhiệm kỳ 5 năm hai lần, báo cáo kết quả thực hiện và phương hướng nhiệm kỳ tới xây dựng Nghị quyết và thực hiện theo nghị quyết. Trong 05 năm gần nhất Chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-01].

Các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn nhà trường góp phần xây dựng khối đoàn kết nội bộ nhà trường và giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với công đoàn viên và được đánh giá là Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đoàn viên công đoàn góp phần quan trọng vào việc giáo dục đạo đức tư tưởng cho học sinh, các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề tháng, phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động của Liên đội; từ đó đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường. Từ đó chất lượng dạy và học được nâng cao được thể hiện qua các báo cáo sơ kết và tổng kết của các tổ chức [H1-1.3-02], [H1-1.3-03], [H1-1.3-04], [H1-1.3-05].

***Mức 3***

Qua thực hiện nhiệm vụ, tổ chức các hoạt động của Công đoàn đã tạo được lòng tin của tập thể, tập hợp được quần chúng, xây dựng nhà trường thành một khối đoàn kết thống nhất, CB, GV, NV an tâm công tác, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Từ đó giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Đảng và nhân dân giao cho. Qua hoạt động của Chi đoàn tập hợp được thanh thiếu niên trong nhà trường vào những hoạt động vui chơi lành mạnh, giảm số lượng học sinh cúp tiết, chơi game, góp phần giáo dục tình yêu quê hương, truyền thống Uống nước nhớ nguồn. Đội TNTPHCM đã triển khai nhiều phong trào thi đua dành cho đội viên mang lại hiệu quả thiết thực [H1-1.3-01], [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03], [H1-1.3-04]; [H1-1.3-06].

**2. Điểm mạnh**

 Chi bộ, Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động tích cực, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Chi bộ nhà trường 5 năm liền đều hoàn thành Tốt và hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ; Công đoàn đã làm tốt công tác tuyên truyền, động viên, khích lệ công đoàn viên và xây dựng tập thể đoàn kết.

**3. Điểm yếu**

Trong quá trình thực hiện các kế hoạch đã đề ra có nhiều hoạt động, nhưng quá trình ghi chép sinh hoạt chưa thể hiện rõ; công tác lưu trữ hồ sơ các tổ chức chưa thật sự khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch hoạt động phải đa dạng và sinh động và hấp dẫn bám sát tình hình thực tế của đơn vị, ghi chép và lưu trữ khoa học. | Hiêu trưởng, người đứng đầu, thư kí các tổ chức đoàn thể. | Sự đoàn kết thống nhất của nguồn nhân lực trong nhà trường. | Tháng 10/2022 | Không |
| Xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, tổ chức nhiều hoạt động nhằm tạo dựng mối quan hệ đoàn kết trong toàn đơn vị. | Hiệu trường, các tổ chức trong nhà trường. | Tự  nghiên cứu; giao lưu học  tập kinh nghiệm. | Tháng 10/2022 | Không |

1. **Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | a | **Đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | b | **Không đạt** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòn**g

***Mức 1***

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

***Mức 2***

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

***Mức 3***

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trường THCS Nguyễn Tất Thành có tổng số 885 học sinh, được chia thành 21 lớp (khối 6 có 5 lớp; khối 7 có 5 lớp; khối 8 có 6 lớp; khối 9 có 5 lớp).

Theo đó, trường có Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đủ theo quy định: 1 Hiệu trưởng, 2 Phó Hiệu trưởng [H1-1.4-01]. Xét điều kiện thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập 4 tổ chuyên môn; 1 tổ văn phòng [H1-1.4-02].

Về tổ chuyên môn gồm:

+ Tổ Toán - Tin có 9 giáo viên (6 giáo viên dạy môn Toán, 2 giáo viên dạy môn Tin học); 1 thư viện.

+ Tổ Ngữ văn - LSĐL - GDCD có 12 giáo viên (7 giáo viên dạy môn Ngữ văn, 4 giáo viên dạy môn Lịch sử - Địa lý, 1 giáo viên dạy môn Giáo dục công dân).

+ Tổ Tiếng anh - Năng khiếu có 10 giáo viên (4 giáo viên dạy môn Tiếng anh, 2 giáo viên môn Nghệ thuật, 4 giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất).

+ Tổ Khoa học tự nhiên - Công nghệ có 11 giáo viên (9 giáo viên dạy môn KHTN, 2 giáo viên môn Công nghệ).

Về tổ Văn phòng: Gồm có 3 NV (Kế toán, Văn thư, Bảo vệ)

Mỗi tổ chuyên môn, Văn phòng được cơ cấu 1 tổ trưởng, 1 phó tổ trưởng theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường.

Hàng năm, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch giáo dục chung của nhà trường; phân tích đặc điểm tình hình, xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, rà soát, hoàn thiện kế hoạch giáo dục và phê duyệt, triển khai hoạt động kế hoạch của tổ [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn, văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ trường phổ thông. Trong đó đặc biệt chú trọng việc tiếp tục triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Có kế hoạch của tổ theo năm học, tháng, tuần. Chỉ  đạo giáo viên xây dựng, sắp xếp lại kế hoạch dạy học; tổ chức đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đề xuất khen thưởng giáo viên có thành tích đóng góp đồng thời đề nghị kỉ luật tổ viên có sai phạm. Định kỳ mỗi tháng các tổ sinh hoạt ít nhất 2 lần theo hướng đẩy mạnh đổi mới sinh hoạt nghiên cứu bài học [H1-1.4-02].

***Mức 2***

Năm 2022 - 2023, các tổ chuyên môn đã tổ chức 16 chuyên đề và 8 đợt sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (mỗi tổ chuyên môn thực hiện 4 chuyên đề/năm và 2 đợt sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học/năm). Trong năm học 2022-2023, nhà trường đã tổ chức chuyên đề cấp huyện môn Khoa học tự nhiên lớp 6. Các chuyên đề nhằm giúp nâng cao chất lượng giáo dục tại trường và đã được áp dụng có hiệu quả [H1-1.4-02].

Định kỳ hàng tháng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tiến hành rà soát, điều chỉnh, đánh giá những mặt mạnh, mặt hạn chế và đưa ra biện pháp khắc phục tốt hơn trong hoạt động để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của tổ, nhà trường [H1-1.4-02].

***Mức 3***

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường, chương trình giáo dục và các họat động giáo dục. Bên cạnh đó tổ chuyên môn cũng hỗ trợ hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trong những năm qua có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Nghiên cứu có nhiều sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp huyện, cấp tỉnh; tổ chức thực hiện các chuyên đề, dạy tự chọn. Chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, kém góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động nhà trường năm sau cao hơn năm trước [H1-1.4-02].

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chuyên đề theo kế hoạch đưa ra, mỗi Chuyên đề đảm bảo về cách thức tổ chức nhất là nội dung các Chuyên đề có nhiều ý nghĩa, hữu ích trong quá trình dạy và học. Bên cạnh tổ chức các Chuyên đề cấp trường và Chuyên đề cấp huyện các tổ chuyên môn còn tham gia hoạt động sinh hoạt Chuyên đề theo môn học do các đơn vị trường học trong huyện tổ chức [H1-1.4-02].

**2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức của nhà trường phù hợp với quy định điều lệ trường trung học. Việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng đảm bảo đúng quy định, các tổ đã tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ. Các tổ trưởng chuyên môn nhiệt tình trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện chế độ sinh hoạt tổ đúng quy định. Tổ văn phòng giúp Ban Giám hiệu lưu trữ và quản lý hồ sơ sổ sách, hỗ trợ tối đa các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Hình thức sinh hoạt chuyên môn ở một số chuyên đề còn chưa đa dạng, phong phú. Trong các bước sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học vẫn còn một số giáo viên chưa nhiệt tình trong thực hiện nhiệm vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện đảm bảo** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Chỉ đạo chuyên môn, tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên đề sâu, sát, hiệu quả, lưu trữ khoa học. | PHT, TT | Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo nhà trường; sự nhiệt tình, trau dồi của đội ngũ giáo viên. | 06/9/2022 | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | a | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | b | **Đạt** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.5. Lớp học**

***Mức 1***

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

***Mức 2***

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

***Mức 3***

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trong mỗi năm học nhà trường có đủ 4 khối lớp từ khối 6 đến khối 9; các lớp của mỗi khối được biên chế từ đầu năm học theo Quyết định của Hiệu trường [H1-1.5-02].

Đầu năm giáo viên chủ nhiệm kiện toàn đội ngũ cán bộ lớp bằng hình thức chỉ định hoặc học sinh đề cử để tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học, có 1 lớp trưởng, 2 lớp phó, mỗi lớp chia thành 4 tổ, mỗi tổ có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó. Ban cán sự lớp hoạt động theo tính tự quản và dân chủ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Ban cán sự lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Lớp trưởng và các thành viên trong Ban cán sự lớp có trách nhiệm quản lí lớp khi giáo viên chủ nhiệm không có mặt. Học sinh có quyền góp ý, phát biểu ý kiến cuả mình tham gia xây dựng kế hoạch của lớp. Công tác bầu cử, đề cử đều được thực hiện một cách dân chủ, công khai, minh bạch [H1-1.5-02].

***Mức 2***

Trong 5 năm qua trường không có năm nào vượt số lớp quá 45 lớp học. Nhà trường biên chế sĩ số cho từng lớp và số lớp trong từng khối từ lớp 6 đến lớp 9 cơ bản không vượt quá 45 học sinh, sĩ số được thể hiện ở sổ đăng bộ. Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm cập nhật lý lịch học sinh, điểm danh từng tháng trong sổ đăng bộ và sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

***Mức 3***

Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học. Tuy nhiên do một số năm gần đây độ tuổi dân số có sự biến động, một phần do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 nên học sinh bên ngoài địa phương chuyển về học tập để tránh dịch, theo bố mẹ làm kinh tế nên có một số lớp sĩ số lớp đã vượt quá 45 em [H1-1.5-02]

**2. Điểm mạnh**

Học sinh các lớp được phân chia đồng đều về năng lực, hạnh kiểm, giới tính, dân tộc. Học sinh đa số chăm ngoan, học giỏi, có kĩ năng tốt trong các hoạt động.

Trường chỉ có một điểm trường và nằm ở trung tâm thuận tiện cho việc đi lại của học sinh.

**3. Điểm yếu**

Kĩ năng tổ chức sinh hoạt tập thể, tự quản của học sinh khối lớp 6 còn hạn chế, chưa phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Nhà trường chỉ đạo tổng phụ trách đội, gvcn xây dựng kế hoạch tuyên truyền dưới cờ, sinh hoạt đội, sinh hoạt lớp; giáo viên giảng dạy môn HĐ TNHN tăng cường các nội dung rèn luyện kĩ năng tự quản, sinh hoạt tập thể cho học sinh, đặc biệt là khối lớp 6. Định kì theo tuần, tháng có kiểm tra, đánh giá khen thưởng, nhắc nhở kịp thời. | HT, các PHT  TPT đội, đoàn thể | Nghiên cứu các kĩ năng | Đầu năm học, các tháng | Không |

1. **Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

***Mức 1***

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

***Mức 2***

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

***Mức 3***

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Nhà trường có hệ thống hồ sơ, sổ sách các văn bản tài liệu được lưu trữ, được phân công cho cá nhân đầu mối lưu trữ và đảm bảo lưu trữ theo đúng quy định (các hồ sơ về quản lí nhân sự, chất lượng thi đua, chỉ đạo công tác dạy và học do Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng lưu trữ; quản lí tài sản, quản lí thu, chi do kế toán lưu trữ; hồ sơ công tác y tế học đường do nhân viên Y tế lưu trữ; sổ theo dõi công văn đi, đến do nhân viên văn thư lưu trữ; biên bản họp Hội đồng trường do thư kí Hội đồng lưu trữ; sổ theo dõi chất lượng dạy và học do phó Hiệu trưởng lưu trữ, kế hoạch giảng dạy môn, khối, lớp do giáo viên, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng lưu trữ; hồ sơ Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội do các đồng chí Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn và Tổng phụ trách lưu trữ theo đúng vai trò, trách nhiệm của tổ chức đoàn thể trong nhà trường...). Định kì, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ của các tổ chuyên môn và các Đoàn thể. Tất cả hồ sơ sổ sách, văn bản, tài liệu tham khảo của nhà trường đều được phân loại và sắp xếp khoa học, trong đó có ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa vào từng hộp, đường dẫn, dán nhãn mác đầy đủ rõ ràng, thuận tiện cho sử dụng và tra cứu[H1-1.6-01].

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào quyết định UBND huyện về việc giao kinh phí và phân bổ ngân sách, đều tiến hành lập dự toán rõ ràng. Xây dựng kế hoạch thu, chi, thực hiện nghiêm túc công tác quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, đảm bảo chính xác, đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc công tác công khai thu, chi tài chính, cuối mỗi kì đều niêm yết công khai thu, chi tài chính trên bảng tin, công tác công khai được thực hiện đúng nội dung và đảm bảo đúng thời gian theo quy định. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế chi tiêu nội bộ; bổ sung, cập nhật phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường thông qua Hội nghị viên chức đầu năm học; Tháng 1 hằng năm nhà trường điều chỉnh, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ để thống nhất triển khai trong toàn trường [H1-1.6-02].

Để quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả, nhà trường tiến hành kiểm kê, rà soát, đánh giá chất lượng tài sản, cơ sở vật chất và giá trị của từng loại tài sản, có kế hoạch bổ sung, sửa chữa kịp thời nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục theo quy định. Tận dụng các đồ dùng có thể tái chế được để tạo ra các sản phẩm, đồ dùng phục vụ cho hoạt động dạy và học, tránh lãng phí [H1-1.6-02].

Nhằm giúp cho công tác quản lí tài chính, tài sản có hiệu quả, ngoài việc thiết lập hồ sơ quản lí khoa học, nhà trường còn chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin với các phần mềm hỗ trợ. Các phần mềm quản lí hành chính, tài chính, tài sản không chỉ phát huy hiệu quả trong công tác quản lí mà còn giúp nhân viên giảm tải được cường độ làm việc và đảm bảo độ chính xác, bảo mật cao [H1-1.6-02].

***Mức 2***

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường: vnedu quản lý điểm; xếp thời khoá biểu Vnedu; phần mềm quản lí thư viện, thiết bị; phần mềm kiểm định chất lượng; phần mềm phổ cập giáo dục; phần mềm quản lí văn bằng chứng chỉ; phần mềm quản lý tài sản, tài chính MISA. Cập nhật thường xuyên các công văn đi đến trên phần mềm office, ứng dụng chữ kí số trong việc giải quyết các thủ tục hành chính. Sử dụng công nghệ thông tin trong việc triển khai các hoạt động trong nhà trường, thực hiện việc báo cáo các hoạt động của nhà trường đối với cấp trên. Công khai bảng lương hàng tháng trên mail và nhóm zalo của nhà trường [H1-1.6-02].

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường không có vi phạm nghiệm trọng liên quan đến quản lí hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của đoàn kiểm tra. Các kết luận của đoàn thanh tra mang tính chất tư vấn, hướng dẫn nhà trường đã tiến hành sửa chữa và khắc phục kịp thời [H1-1.6-03].

***Mức 3***

Dựa trên dự toán ngân sách được ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, nhà trường đã có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp lí, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và của địa phương [H1-1.6-05]; [H1-1.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống hồ sơ, sổ sách đầy đủ, được lưu trữ khoa học theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính, tài sản theo quy định. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính, tài chính, tài sản đem lại hiệu quả thiết thực.

**3. Điểm yếu**

Sử dụng phần mềm quản lí, lưu trữ hồ sơ chưa hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| - Nghiên cứu kĩ về các phần mềm quản lí, lưu trữ hồ sơ thực hiện có hiệu quả.  - Tăng cường tham gia các lớp tập huấn | Kế toán;  văn thư | Nghiên cứu văn bản, phần mềm | 06/9/2022 | Chi thường xuyên |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

***Mức 1***

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

***Mức 2***

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Hằng năm xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường; của cán bộ quản lý, giáo viên theo các tiêu chí, nội dung quy định tại các Thông tư; ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lí, công khai [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên được quan tâm hàng đầu. Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn chuyên môn do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song tổ chức, tham gia tập huấn chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên cơ sở đó nhà trường xây dựng triển khai tập huấn tại nhà trường chi tiết, cụ thể theo từng giai đoạn với nhiều nội dung cụ thể như: Trao đổi về các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức sinh hoạt chuyên đề/nghiên cứu bài học; đổi mới về kiểm tra, đánh giá; kĩ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng công  nghệ thông tin dạy học thích ứng với điều kiện đảm bảo an toàn [H1-1.7-02].

***Mức 2***

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường về biên chế cũng như xét trình độ đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ, nguyện vọng của CB GV NV, nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể đảm bảo phù hợp với năng lực, sở trường, hoàn cảnh của mỗi người trên cơ sở xin ý kiến Chi bộ nhà trường, tham khảo ý kiến của tập thể; công tác phân công được thực hiện đúng tiến độ và đúng kế hoạch nhà trường đề ra, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên đề xuất ý kiến đóng góp, trình bày những tồn tại, bất cập trong các buổi họp giao ban, họp chuyên môn, họp cơ quan, họp tổ chuyên môn để thống nhất...nhằm đảm bảo việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H1-1.7-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và các giải pháp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí công tác đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đảm bảo công bằng, công khai, dân chủ và phát huy được khả năng của mỗi cá nhân.

Việc thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo đầy đủ, kịp thời; CB GV NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên làm công tác thư viện chưa có chứng nhận chuyên môn nghiệp vụ về công tác thư viện. Nhân viên thiết bị là giáo viên thực hiện công tác kiêm nhiệm dẫn đến còn nhiều hạn chế về thời gian, kĩ năng làm việc. Nhân viên Y tế học đường làm công tác liên trường đã ảnh hưởng đến công tác chăm sóc sức khỏe của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| - Đối với nhân viên Y tế, Thiết bị tham mưu cấp trên để có biên chế hoặc xin ý kiến chỉ đạo để đảm bảo chế độ theo quy định; sắp xếp, bồi dưỡng phân công nhiệm vụ hợp lý cho các giáo viên làm công tác kiêm nhiệm.  - Đối với nhân viên được giao phụ trách công tác thư viện nhà trường có lộ trình, tạo điều kiện động viên, khuyến khích, hỗ trợ tham gia lớp bồi dưỡng, đào tạo để hoàn thiện về văn bằng, chứng chỉ. | Hiệu trưởng | - Chỉ đạo của các cấp lãnh đạo  - Sắp xếp, bố trí của nhà trường | Tháng 5/2023 đến tháng 9/2023 | Kinh phí dự kiến 3 triệu từ xã hội hóa, mạnh thường quân, cá nhân tự túc. |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục**

***Mức 1***

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

***Mức 2***

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Kế hoạch giáo dục của nhà trường, giáo viên được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành và bám sát các nội dung nhiệm vụ từng năm học theo chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song và thực tế địa phương cũng như điều kiện của nhà trường. Trong quá trình lập Kế hoạch giáo dục, nhà trường đã xác định được các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, đề ra được các giải pháp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng trường phê duyệt, được đưa vào Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện đầy đủ, cụ thể các kế hoạch của từng bộ phận; mỗi kế hoạch hoạt động có mục đích, yêu cầu cần đạt, có các giải pháp, chỉ tiêu và cách thức tổ chức thực hiện cụ thể; kế hoạch được phổ biến đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhân viên trong nhà trường để xin ý kiến đóng góp; được triển khai đến các tổ chức đoàn thể, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên biết, làm căn cứ thực hiện [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục được lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn, từng giáo viên kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời với mục tiêu nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường theo tháng, học kỳ, năm học [H1-1.8-03]; [H1-1.4-02].

***Mức 2***

Để thực hiện các hoạt động giáo dục, nhà trường đã có các biện pháp chỉ đạo cụ thể về tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, đột xuất, rút kinh nghiệm và được Phòng Giáo dục và Đào tạo tạo kiểm tra, đánh giá hiệu quả [H1-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp, có tính khả thi, sát với điều kiện của địa phương và của nhà trường; việc thực hiện hằng tháng, học kỳ có rà soát, bổ sung, đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện kế hoạch năm học, thực hiện kế hoạch giảng dạy của tổ chuyên môn và của cá nhân theo quy định.

Thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh theo đúng quy định của Điều lệ trường trung; các tình huống nảy sinh trong quá trình hoạt động giáo dục được giải quyết, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời góp phần đưa chất lượng các hoạt động giáo dục ngày càng được nâng cao.

Công tác quản lý hoạt động giáo dục của trường có ứng dụng bằng các phần mềm tin học đảm bảo cho việc lưu trữ, truy cập thông tin nhanh chóng và thuận lợi.

**3. Điểm yếu**

Công tác kiểm tra, rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch giữa các tổ chưa đều tay; việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 một số môn ở các tổ còn vướng mắc như: Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Lãnh đạo nhà trường trực tiếp là phó Hiệu trưởng thực hiện giám sát tổ chuyên môn, tham gia họp tổ chuyên môn, hướng dẫn tổ trưởng xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời nhằm đảm bảo công tác quản lý, điều hành hoạt động dạy và học của tổ chuyên môn đồng bộ, chất lượng, hiệu quả. | Hiệu trưởng,  phó Hiệu trưởng | Không | Thường xuyên | Không |
| Tiếp tục nghiện cứu, triển khai thực hiện hiệu quả, hợp lí các môn học mới như: HĐ TNHN, GD ĐP… | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn | Không | Thường xuyên | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

***Mức 1***

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

***Mức 2***

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Những năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt Quy chế dân chủ theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập. Hằng năm, nhà trường đều tổ chức Hội nghị cán bộ công chức viên chức, công khai quy chế dân chủ trong hoạt động, các buổi họp để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng quy chế dân chủ, kế hoạch, nội quy, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01].

Các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật. Trong năm năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02].

Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; công khai trước Hội đồng trường về thực hiện các chế độ, quyền lợi của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.9-03].

**Mức 2**

Căn cứ Thông tư số 11/2020/BGDĐT hàng năm, Ban thanh tra nhân dân thực hiện các biện pháp và cơ chế  giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ theo đúng quy định [H1-1.9-01].

Nhà trường công khai về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, công tác thu chi tài chính, chế độ làm việc…Bằng hình thức niêm yết tại văn phòng của trường và được phổ biến trong cuộc họp hội đồng. Thời gian công khai đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2,3 Điều 11, Thông tư số 11/2020 và các quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về minh bạch hiệu quả [H1-1.9-01]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Các quy định của cấp trên và địa phương được nhà trường triển khai kịp thời, nghiêm túc, đúng qui định. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chấp hành đúng các nội quy, quy chế đề ra. Quy chế dân chủ trong đơn vị được triển khai, thực hiện một cách nghiêm túc, mọi hoạt động của nhà trường đều được bàn bạc và công khai, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ đó  xây dựng tốt khối đoàn kết nội bộ trong cơ quan.

Nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, các ý kiến đóng góp để thực hiện trao đổi thằng thắn, bình đẳng, dân chủ, phê bình và tự phê bình đúng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên đã làm cho việc thực hiện Quy chế dân chủ nhà trường phát huy được tiềm năng, trí tuệ của tập thể, nhiều năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên ít theo dõi, ít tìm hiểu chế độ chính sách pháp luật của Nhà Nước, cập nhật thông tin chưa thường xuyên để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật, quy chế dân chủ, các chế độ chính sách... | CT Công đoàn; TB TTND | Căn cứ các văn bản chỉ đạo các cấp | 24/10/2022 | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

***Mức 1***

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

***Mức 2***

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế nhà trường có xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn về an ninh trật tự phòng, chống tai nạn thương tích và phòng, tránh thảm họa, thiên tai; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng cháy, chữa cháy; phòng, chống dịch bệnh; an toàn phòng, chống các tệ nạn xã hội; an toàn phòng, chống bạo lực trong nhà trường; đồng thời, nhà trường cũng xây dựng phương án phối hợp và liên hệ chặt chẽ với cơ quan Công an, cơ quan Y tế nhằm đảm bảo về an toàn, an ninh trường học. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền và cho học sinh làm bản cam kết không vi phạm về An toàn giao thông, Phòng cháy chữa cháy, phòng chống các tệ nạn bạo lực nhà trường. Trường có nhân viên bảo vệ để đảm bảo an ninh trong nhà trường; trường có căn tin, nhân viên bán hàng căng tin thực hiện khám, đảm bảo sức khoẻ theo qui đinh và được cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm nên đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03].

Có hộp thư góp ý, có 3 số điện thoại đường dây nóng là của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn; tiếp nhận xử lý kịp thời phản ánh của cha mẹ học sinh và học sinh. Ngoài ra cha mẹ học sinh và học sinh có thể phản ánh thông qua các trang mạng của trường như: Nhóm Zalo, Facebook, trang website, edu… về các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh để có các biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả không làm cho vấn đề trở lên phức tạp [H1-1.10-02].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, không để xảy ra tình trạng bạo lực, hiện tượng kì thị, vi phạm về giới đảm bảo theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường [H1-1.10-01].

***Mức 2***

Tại các buổi họp Hội đồng sư phạm, qua các buổi hoạt động ngoại khoá, các buổi sinh hoạt lớp, sinh họat dưới cờ, nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ , giáo viên, nhân viên và học sinh các phương án trên cũng như cách phòng tránh. Cụ thể như: Phòng ngừa bạo lực học đường, nhà trường giáo dục học sinh xây dựng lớp tự quản, đoàn kết, không được gây gổ, đánh nhau, không cho các em mang đến trường các vật sắc nhọn nguy hiểm như dao, súng cao su và các hung khí. Hoặc là phương án phòng ngừa ngộ độc thức ăn, nhà trường trang bị nước uống cho học sinh hợp vệ sinh, tuyên truyền, nhắc học sinh hạn chế ăn quà vặt vì tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ngộ độc do không đảm bảo vệ sinh và không rõ ràng về nguồn gốc của thực phẩm. Hay phương án phòng ngừa tai nạn về điện: Hệ thống điện trong lớp phải an toàn, không để dây trần, dây điện hở, bảng điện để cao. Dụng cụ điện ở phòng thí nghiệm phải đảm bảo an toàn trước khi cho học sinh thực hành. Phòng ngừa té ngã bằng cách củng cố cơ sở vật chất của trường, cụ thể: Sân trường cần bằng phẳng và không bị trơn trượt. Hành lang, cầu thang phải có tay vịn, lan can. Bàn ghế hỏng, không chắc chắn phải được sửa chữa thay thế. Dụng cụ thể dục thể thao phải chắc chắn, đảm bảo an toàn [H1-1.1-02].

Hàng năm, nhà trường đã lên kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tế. Phối kết hợp với công an thị trấn Đức An, các tổ chức đoàn thể nhà trường đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường. Trong những năm qua, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được đảm bảo, không để xảy ra mất an ninh chính trị, an toàn xã hội [H1-1.10-03].

Công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết được nhà trường thực hiện hàng năm, xem xét những việc làm được, chưa làm được, gắn với thực tế tình hình an ninh nhà trường cũng như của địa phương huyện, thị trấn để đề ra kế hoạch phù hợp tiếp theo. Khuôn viên trường đảm bảo an toàn, an ninh trật tự như có cổng trường, hàng rào bảo vệ; trường có phương án phòng chống cháy nổ, có đầy đủ những phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định, các bình chữa cháy được bố trí khu vực hợp lý, dễ thấy. Trong 5 năm qua trường không có hiện tượng mất mát tài sản, tình trạng học sinh gây gổ đánh nhau gây thương tích hay hiện tượng học sinh sa vào các tệ nạn xã hội; nhà trường không để xảy ra mất an ninh trật tự, không có cháy nổ, không xảy ra ngộ độc thực phẩm hay các dịch bệnh. Tuy nhiên công tác tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, hiểm họa thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội chưa được thường xuyên, liên tục còn mang tính thời vụ, thời điểm, theo đợt, theo phong trào.

Nhà trường thành lập Đội xung kích, Đội cờ đỏ kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, ổn định về nề nếp, phát hiện những học sinh có biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường để kịp thời ngăn chặn [H1-1.10-04].

**2. Điểm mạnh**

Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt các kế hoạch, phương án có khả thi đặc biệt sự phối hợp các tổ chức trong nhà trường và Công an thị trấn Đức An về công tác an ninh, an ninh trật tự. Khích lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh đóng góp thường xuyên qua hộp thư góp ý và nhiều hình thức khác để nhà trường giải quyết kịp thời. Nhà trường luôn coi trọng việc học tập nội quy, quy chế trong học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường ký Bản cam kết trách nhiệm về việc thực hiện nội quy nhà trường, thực hiện an toàn giao thông, bài trừ các tai tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh

Xây dựng Kế hoạch và bảo đảm tốt an ninh trật tự trường học và các biện pháp bảo đảm ANTT, phối hợp thực hiện không để xảy ra tình huống xấu. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường có ý thức thực hiện góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường, không có giáo viên và học sinh vi phạm pháp luật, dính vào tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về bình đẳng giới.

**3. Điểm yếu**

Công tác tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, hiểm họa thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội đôi khi thực hiện chưa thường xuyên, mang tính thời điểm, theo đợt, theo phong trào nên tính tuyên truyền, giáo dục còn hạn chế.

Các thành viên làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, an toàn xã hội trong nhà trường đa số là kiêm nhiệm, chưa đầu tư nhiều thời gian nên công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ chưa thực sự khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| - Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với các ban, ngành, tổ chức tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, các hiểm họa thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm cho giáo viên và học sinh. Ngoài tuyên truyền theo kế hoạch, nhà trường yêu cầu giáo viên Giáo dục công dân, Sinh học, Ngữ văn, Địa lý... tổ chức tuyên truyền lồng ghép tích hợp vào nội dung bài học.  - Phát huy, nâng cao vai trò, chất lượng của chương trình phát thanh măng non học đường trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho mọi người về phòng chống tai nạn thương tích... | Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng; trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh | Tham mưu xin sự phối hợp của các tổ chức  Mời các chuyên gia | Thường xuyên trong năm học | 6 triệu, dự kiến từ chi thường xuyên |
| Khích lệ, động viên tinh thần xung kích của các tổ chức, đoàn thể nhà trường. | Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách đội | Không | Thường xuyên trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1**

Để phát triển nhà trường đến năm 2030, nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2019 - 2024 và tầm nhìn 2030, sát, phù hợp với mục tiêu giáo dục và tình hình kinh tế xã hội của địa phương; Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn làm tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường tham gia chỉ đạo, đóng góp tích cực trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn, Đoàn TN CSHCM, Liên đội TNTPHCM đều đạt Vững mạnh và Vững mạnh xuất sắc.

Nhà trường đảm bảo cơ cấu bộ máy theo qui định, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ cấu tổ chức lớp, học sinh đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và đáp ứng được yêu cầu học tập của các em học sinh trên địa bàn.

Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong nhà trường được lưu trữ hàng năm theo qui định; việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản được thực hiện nghiêm túc; công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phân công, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, có kế hoạch đầy đủ.

Nhà trường xây dựng, triển khai, thực hiện tốt kế hoạch giáo dục đề ra, phù hợp với mục tiêu giáo dục và sát với thực tế địa phương, trong thực hiện nhà trường có tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời. Việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm thực hiện nghiêm túc; quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả; an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường được đảm bảo.

Tuy nhiên, trong thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh đôi khi chưa kịp thời, chưa đáp ứng kịp với sự thay đổi, phát triển của xã hội; công tác phối hợp giữa Hội đồng trường với các tổ chức khác trong nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập; Ban chấp hành công đoàn, tổng phụ trách Đội còn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản nên gặp nhiều khó khăn; hồ sơ của Chi bộ đảng và các đoàn thể lưu trữ chưa khoa học, thể thức trình bày văn bản còn sai nhiều; sinh hoạt tổ chuyên môn một số buổi còn mang tính hành chính, một số chuyên đề chuyên môn có chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học chưa thường xuyên, còn theo phong trào.

***Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:***

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%

- Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 3: 5/10 (0/5) tiêu chí chiếm 50%

**TIÊU CHUẨN 2. CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH**

**Mở đầu**

Hoạt động dạy và học của trường muốn ổn định, phát triển đòi hỏi phải có những người thầy, người cô thật sự tâm huyết với nghề, hết lòng vì học sinh thân yêu. Để có được điều này đòi hỏi nhà trường phải ổn định về mặt nhân sự, tổ chức. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, vì vậy việc quy hoạch bổ nhiệm nhân sự cán bộ quản lý nhà trường, bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng với đầy đủ các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng bắt buộc và tạo điều kiện tốt để nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục được giao.

Trường THCS Nguyễn Tất Thành thực hiện cơ cấu tổ chức trong nhà trường cán bộ, giáo viên và học sinh theo điều lệ trường phổ thông. Nhà trường có đầy đủ chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật giáo dục và Theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục, khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên Trường THCS Nguyễn Tất Thành đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ quản lý, các tổ trưởng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường là những đảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có năng lực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao và tinh thần trách nhiệm, tận tụy, nhiệt tình với công việc. Đội ngũ giáo viên và nhân viên nhà trường đảm bảo yêu cầu quy định về số lượng và chất lượng, được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Lãnh đạo nhà trường đặc biệt quan tâm công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên. Tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đều nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn trong công tác và trong cuộc sống. Trong những năm qua, toàn trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức nhà giáo cũng như không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, 100% đều được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu vươn lên, đạt các tiêu chuẩn cần thiết theo quy định trong Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây là nhân tố cơ bản, quyết định chất lượng giáo dục, thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

**Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

***Mức 1***

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

***Mức 2***

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

***Mức 3***

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trường THCS Nguyễn Tất Thành có đủ các chức danh cán bộ quản lý gồm 1 Hiệu trưởng và 2 Phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ trường phổ thông [H2-2.1-01].

Từ 2018 đến năm 2023 Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều thể hiện được năng lực đảm nhận công việc được giao và được lãnh đạo phòng Giáo Dục và Đào tạo đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng xếp loại tốt [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; quản lý giáo dục theo quy định. Phó hiệu trưởng là giáo viên cốt cán cấp bộ [H2-2.1-01].

***Mức 2***

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao thông qua các đợt đánh giá cuối năm. Trong 05 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá từ năm 2018 đến năm 2022 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được lãnh đạo được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn nghề nghiệp [H2-2.1-02]; [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; có trách nhiệm trong công việc, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H1-1.7-02].

***Mức 3***

  Trong 05 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá từ năm 2018 đến năm 2022 Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng được trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng  đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, chính trị, nghiệp vụ quản lí giáo dục; nhiệt tình, có tinh thần học hỏi và tự trau dồi, Phó hiệu trưởng đang học lớp cao học về quản lý giáo dục để nâng cao năng lực; có năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức tốt, được tập thể giáo viên, nhân viên và nhân dân tín nhiệm, hàng năm đều được đánh giá đạt chuẩn và xếp loại tốt, đánh giá công chức viên chức đề xếp loại xuất sắc; đã tham dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lí giáo dục và đã được các cơ quan có thẩm quyền công nhận, cấp chứng chỉ hoàn thành theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Khả năng về ngoại ngữ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hạn chế, chỉ mới đáp ứng được nhu cầu cơ bản của công việc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tiếp tục duy trì, phát huy các mặt mạnh | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Bố trí thời gian khoa học | Hàng tháng | Không |
| Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tiếp tục nâng cao học tập, nâng cao trình độ sử dụng ngoại ngữ | Phó hiệu trưởng | Bố trí thời gian khoa học | Hoàn thành tháng 11/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên**

***Mức 1***

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

***Mức 2***

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

***Mức 3***

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trong những năm qua, nhà trường cơ bản đảm bảo đủ số lượng giáo viên giảng dạy theo qui định. Hiện tại nhà trường có 21 lớp, 37 giáo viên và 1 giáo viên làm TPT Đội TNTP HCM, tỉ lệ giáo viên/lớp đạt 1,76 giáo viên /lớp [H2-2.2-01].

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định, đa số giáo viên đều có kinh nghiệm giảng dạy, công tác lâu năm trong ngành, nhiệt tình, tích cực, có trách nhiệm trong công việc [H2-2.2-01].

Hằng năm, có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

***Mức 2***

Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo luôn tăng, đến tháng 3 năm 2023 đạt tỉ lệ 98% có trình độ chuyên môn cử nhân (Đại học), 1 giáo viên đạt trình độ đào tạo cao học [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp, tính thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó 95% đạt mức tốt, 5% đạt mức khá [H2-2.2-02].

Hằng năm, nhà trường và giáo viên đều tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, cũng như phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng và đạt được giải các cấp huyện, tỉnh [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04].

Trong 5 năm vừa qua, nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

***Mức 3***

Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 95% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-02].

Năm học 2022-2023, nhà trường nhà trường có 2 giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H2-2.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường quan tâm tham mưu, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ, để luôn đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; nhiệt tình công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt tỉ lệ cao. Đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm, có nhiều giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, nhiệt tình, quan tâm và yêu thương học sinh. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm nhà trường đều có học sinh tham gia các kì thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh và đạt thành tích.

Hằng năm kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên từ khá trở lên, không có loại trung bình.

**3. Điểm yếu**

Nhiều giáo viên còn kiêm nhiệm các công tác khác ngoài nhiệm vụ giảng dạy; giáo viên một số môn học như hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, khoa học tự nhiên, lịch sử địa lý của chương trình giáo dục 2018 chưa được đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp để thực hiện  dẫn đến còn gặp khó khăn trong quá trình dạy học. Kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học của giáo viên còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| - Xây dựng kế hoạch hỗ trợ quá trình tham gia đào tạo bồi dưỡng giáo viên, thực hiện nâng cao trình độ, hoàn thiện các nội dung học tập của các giáo viên giảng dạy môn  khoa học tự nhiên, lịch sử địa lý, hoạt động giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp.  - Tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn tham gia đăng ký học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có từ 1 đến 2 cán bộ, giáo viên đăng ký, hoàn thành chương trình học thạc sĩ; có nhiều CB GV NV tham gia viết báo cáo nghiên cứu khoa học. | Cán bộ quản lý, giáo viên | Các văn bản chỉ đạo cấp trên | Tháng 3/2023-2024 | Dự kiến 10 triệu đồng từ ngân sách chi thường xuyên; tự túc |
| Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch để sắp xếp bố trí giáo viên hợp lý trong các nhiệm vụ kiêm nhiệm nhằm tận dụng được hết các nguồn lực, khắc phục khó khăn chung đảm bảo chất lượng dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục khác. | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Nghiên cứu văn bản; căn cứ tình hình thực tế nhà trường | Thường xuyên bắt đầu từ tháng 8/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng** chỉ báo

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | a | **Đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | b | **Không đạt** |
| c | **Đạt** | c | **Đạt** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên**

***Mức 1***

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

***Mức 2***

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

***Mức 3***

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trường THCS Nguyễn Tất Thành có các nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.3-0.

Các nhân viên được phân công đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác [H1-1.7-01].

Các nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên [H2-2.3-03].

***Mức 2***

Nhà trường có gần đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017); các vị trí nhân viên thiếu được bố trí giáo viên kiêm nhiệm: Văn thư, kế toán, thư viện, thiết bị, y tế và nhân viên bảo vệ hợp đồng [H2-2.3-01]; H1-1.7-01].

Nhà trường đảm bảo đầy đủ các quyền, chế độ, chính sách theo quy định, quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên làm việc và học tập, bố trí và sử dụng nhân viên phù hợp với năng lực của từng người nên trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật.

***Mức 3***

Nhân viên kế toán có trình độ đại học, nhân viên kiêm nhiệm công tác thư viện có trình độ đại học, nhân viên văn thư có trình độ sơ cấp, nhân viên làm công tác Y tế trường học có trình độ Y sỹ đa khoa, nhân viên bảo vệ được tập huấn về nghiệp vụ bảo vệ. Tất cả nhân viên đều được phân công vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác [H2-2.3-01];

Hằng năm, nhân viên của đơn vị được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công và hoàn thành nhiệm vụ được giao trở lên [H2-2.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhân viên nhà trường luôn nỗ lực để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, đạt các yêu cầu theo quy định; có phẩm chất chính trị tốt, có lối sống lành mạnh, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp có trách nhiệm và được đảm bảo các quyền, chế độ theo chính sách hiện hành.

**3. Điểm yếu**

Số lượng và cơ cấu nhân viên chưa đảm bảo theo quy định, có 4/6 vị trí nhân viên (trong đó 1 nhân viên liên trường); thiếu nhân viên Thiết bị và Công nghệ thông tin.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tham mưu các cấp có thẩm quyền bổ sung các vị trí nhân viên còn thiếu (Y tế, Thiết bị, Công nghệ thông tin); đồng thời bố trí, sắp xếp GV, NV kiêm nhiệm các nhiệm vụ của các vị trí nhân viên thiếu. | Hiệu trưởng, các nhân viên, giáo viên | Không | Từ tháng 9/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | a | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | b | **Không đạt** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 2.4. Đối với học sinh**

***Mức 1***

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

***Mức 2***

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

***Mức 3***

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Học sinh nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định theo Điều lệ trường trung học. Học sinh không lưu ban quá 3 lần trong cấp học THCS; thực hiện tốt việc huy động học sinh ra lớp hằng năm đúng độ tuổi [H1-1.5-01].

Học sinh nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và theo nội quy học sinh do nhà trường ban hành: Đi học đều và đúng giờ, giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà, kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn, rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp, giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông, góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương [H2-2.4-02].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường phổ thông; được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập; được hướng dẫn cách đánh giá học lực và xếp loại hạnh kiểm theo các thông tư 58 và 26 và thông tư 22 quy định cho từng khối; được cung cấp thông tin về kết quả học tập của mình sau mỗi bài kiểm tra, mỗi học kì và cả năm học [H2-2.4-04].

Học sinh được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức khi có đủ điều kiện như dự thi học sinh giỏi các cấp, thi văn nghệ, tham gia các câu lạc bộ môn học yêu thích trong nhà trường được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo và diện chính sách được miễn giảm học phí và được hỗ trợ sách, vở đầu năm học [H2-2.4-04].

***Mức 2***

Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh. Học sinh không những được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, được giáo dục toàn diện, được sử dụng trang thiết bị phương tiện dạy học tốt, được phát triển năng khiếu về các môn do nhà trường tổ chức, mà còn được áp dụng các giải pháp mang tính tích cực có tính giáo dục nếu có những vi phạm các hành vi không được làm. Do đó học sinh ý thức  và khắc phục những vi phạm không gây ra hậu quả nghiêm trọng [H2-2.4-05].

***Mức 3***

Đa số học sinh của nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, biết kính trọng người lớn, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện. Có nhiều học sinh giỏi các môn văn hóa huyện, tỉnh và các phong trào thi đua khác góp phần tác động tích cực đến các hạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quyền của học sinh theo quy định, học sinh nghèo, cận nghèo, khó khăn, học sinh đối tượng chính sách, học sinh có thành tích được hỗ trợ, khen thưởng kịp thời khi có thành tích cao trong các hoạt động.

**3. Điểm yếu**

Một số ít học sinh ở các khối lớp chưa xác định đúng động cơ, mục đích học tập học nên kết quả học tập chưa cao; vi phạm các hành vi không được làm; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của học sinh theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Phối hợp các lực lượng trong, ngoài nhà trường và học sinh giáo dục học sinh; tăng cường công tác tuyên dương, khen thưởng. | CB GV NV nhà trường; các lực lượng liên quan | Không | Hàng tháng, tuần | Không |
| Tăng cường công tác phụ đạo học sinh yếu, kém. | CBQL, giáo viên | Không | Hàng tháng, tuần | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Cán bộ quản lý nhà trường đều đạt chuẩn theo quy định, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đoàn kết, trách nhiệm.

100% đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo, được phân công đúng theo chuyên môn đào tạo.

100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt từ khá trở lên và có nhiều sáng kiến, nghiên cứu khoa học được các cấp có thẩm quyền công nhận. Cán bộ quản lý được đánh giá từ tốt trở lên.

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, được phân công phù hợp theo năng lực, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Học sinh của trường đảm bảo về độ tuổi, luôn tích cực học tập và rèn luyện và được đảm bảo các quyền theo quy định, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp nên có chuyển biến tích cực trong học tập, rèn luyện góp phần tích cực đến các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường. Còn một số học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh chưa cao, còn bỏ rác chưa đúng nơi quy định.

**Điểm yếu cơ bản**

Điều kiện của một số giáo viên nhà xa, hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn nên ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác. Nhân viên phụ trách công tác thư viện, thiết bị đều làm nhiệm vụ kiêm nhiệm dẫn đến hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ.

***Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:***

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%

- Đạt Mức 1: 4/4 (4/4/) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 2: 4/4 (4/4/) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 3: 2/4 (2/4) tiêu chí chiếm 50%

**TIÊU CHUẨN 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**Mở đầu**

Trường THCS Nguyễn Tất Thành có khuôn viên rộng rãi có cổng trường, hàng rào, sân chơi, bãi tập tương đối phù hợp với điều kiện địa phương. Có đủ các phòng học cho học sinh học 2 ca/ngày, phòng học bộ môn, phòng máy tính có kết nối mạng Internet, các phòng ứng dụng công nghệ thông tin cho các môn học, phòng thư viện, phòng đọc sách cho giáo viên và học sinh, phòng truyền thống, phòng Đảng- đoàn thể... Hằng năm bố trí hệ thống phòng chức năng khá hợp lý; có biện pháp cụ thể về tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giáo dục đảm bảo đủ để phục vụ cho việc dạy và học. Ngoài ra, khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Nhà trường cũng có 2 khu vệ sinh, có nơi để xe cho giáo viên và học sinh; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.

Cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường được quản lý chặt chẽ, các nguồn kinh phí được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đúng nguyên tắc tài chính. Thường xuyên rà soát, bổ sung mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đảm bảo theo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia. Trong quá trình hình thành và phát triển, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường ngày một hoàn thiện theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học góp phần làm cho chất lượng giáo dục được duy trì ổn định và phát triển.

**TIÊU CHÍ 3.1. KHUÔN VIÊN, KHU SÂN CHƠI, BÃI TẬP**

***Mức 1***

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

***Mức 2***

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

***Mức 3***

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Có kế hoạch phân công học sinh và giáo viên, nhân viên, lao công thường xuyên chăm sóc cây xanh, khuôn viên trường, lớp tạo không gian đẹp và thoáng mát; trang bị thùng rác ở các vị trí hợp lí đảm bảo vệ sinh; xây các bồn trồng hoa kiểng. Việc bố trí sắp xếp trong khuôn viên trường đảm bảo khoa học, đẹp và an toàn. Trường được công nhận trường “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn” trong nhiều năm học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Nhà trường có cổng trường, biển tên trường và tường bao quanh như: Có cửa chính và một cửa phụ có cánh đóng mở dễ dàng, được làm bằng sắt kiên cố, vững chắc; tường rào bao quanh được xây bằng gạch kiên cố kết hợp với song sắt, khép kín toàn bộ khuôn viên nhà trường đảm bảo cách li với các hộ dân cư, an toàn cho người và tài sản [H3-3.1-01].

Khu sân chơi, bãi tập cơ bản đáp ứng thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt đông giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01].

***Mức 2***

Khu sân chơi, bãi tập cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục: Có các bồn hoa, cây kiểng, cây bóng mát, vệ sinh sạch sẽ đảm bảo học tập và vui chơi cho học sinh; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giảng dạy bộ môn thể dục [H3-3.1-01].

***Mức 3***

Tổng diện tích đất đang sử dụng 6.473m2, trong năm học 2022-2023, nhà trường có 890 học sinh, như vậy bình quân 7,3m2/học sinh, so với quy định diện tích mặt bằng tối thiểu là 6m2/học sinh [H3-3.1-03].

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 1.750 m2 chiếm 26% tổng diện tích sử dụng của trường. Có nhà đa năng, có khán đài thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động TDTT, văn nghệ, HĐNGLL và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có diện tích, khuôn viên, cây xanh, có cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo số lượng học sinh đạt hơn 7,3 m2/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập cơ bản đảm bảo đáp ứng các yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Quy cách, sắp xếp vị trí khu bãi tập chưa hợp lí (khu sân chơi, bãi tập của nhà trường chưa bố trí được riêng biệt, do kết cấu xây dựng từ trước là Trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện) ảnh hưởng đến quá trình tập luyện của học sinh. Lớp sơn của hệ thống tường rào xung quanh sơn xuống cấp không còn đảm bảo về mĩ quan, an toàn.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tiếp tục duy trì, sử dụng điểm mạnh của những phần cơ sở vật chất hiện có. | CB GV NV nhà trường | Không | Thường xuyên | Không |
| Chủ động khắc phục hạn chế của khu sân chơi, bãi tập; lập Tờ trình tham mưu Phòng GD&ĐT, Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp kinh phí để cải tiến khu sân chơi, bãi tập riêng biệt; sơn lại hệ thống tường rào. | Hiệu trưởng; CB GV nhà trường | Nghiên cứu văn bản tham mưu | Năm 2023 | Nguồn kinh phí thường xuyên; Nguồn kinh phí của trên cấp về cùng với việc vận động xã hội hoá giáo dục |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 3.2. Phòng học**

***Mức 1***

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

***Mức 2***

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

***Mức 3***

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Các phòng học nhà trường có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh theo Thông tư 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông, cụ thể: Có 21 phòng học, phòng bộ môn mỗi phòng có diện tích trung bình 48 m2 (8 m x 6 m), số phòng học đủ đáp ứng cho học sinh học tập; 400 bộ bàn ghế học sinh; 21 bộ bàn ghế giáo viên; mỗi phòng học có bảng chống lóa, ti vi, quạt điện, và các trang thiết bị khác để phục vụ cho công tác dạy học [H3-3.2-01].

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo Thông Tư số 13 và 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/ 2020, cụ thể: Phòng Tin học; phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (Lí- Hoá -Sinh); phòng Công nghệ; phòng Ngoại ngữ; phòng Nghệ thuật (Âm nhạc-Mĩ thuật); phòng Khoa học xã hội; Đa chức năng [H3-3.2-02].

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn thể (Đoàn - Đội); phòng truyền thống; phòng Thư viện; Phòng thiết bị; Phòng thực hành các phòng được bố trí đẹp, khoa học, có dãy, kệ đựng sách tham khảo, các đồ dùng, thiết bị phục vụ phù hợp với từng chức năng nhiệm vụ [H3-3.2-02].

***Mức 2***

Phòng học, phòng bộ môn được xây dựng, cơ bản đạt tiêu chuẩn theo quy định đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Nhà trường bố trí, cải tiến sắp xếp tận dụng nhiều phòng chẹt, nhà kho…để tu sửa thành khối phục vụ học tập, cơ bản đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.2-03].

***Mức 3***

Nhà trường trang bị cho các phòng học, phòng bộ môn bàn, ghế và các trang thiết bị thiết yếu cho việc dạy học theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/ 5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông Tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/ 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm và tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư xây dựng đủ phòng học kiên cố đảm bảo cho học sinh học tham gia học tập; quan tâm thiết lập tương đối đủ phòng bộ môn đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiết thực hành theo quy định. Phòng học của nhà trường được xây dựng và trang bị tương đối đúng quy cách, có đủ ánh sáng, quạt, bàn ghế, được trang trí thống nhất, đảm bảo môi trường sư phạm, an toàn cho học sinh, giáo viên. Nhà trường có thư viện đảm bảo sách tham khảo cho giáo viên và học sinh. Nhà trường có đủ diện tích, khuôn viên thoáng mát, riêng biệt các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có trang bị cơ bản các thiết bị đúng theo Thông tư số 13/ 2020/TT-BGDĐT ngày 26/ 05/ 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông Tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/ 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Điểm yếu**

Phòng tin học một số máy do thời gian được cấp đã trên 5 năm nên hiện nay có nhiều máy tính bị hư hỏng, không còn sử dụng được. Trang thiết bị của Phòng Tiếng anh chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập. Các trang thiết bị của phòng học bộ môn còn thiếu. Hệ thống sơn tường của các lớp học xuống cấp, không đảm mĩ quan, an toàn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Có kế hoạch dự trù kinh phí sửa chữa, bổ sung máy tính phòng Tin học; trang thiết bị phòng học Tiếng anh. | Lãnh đạo nhà trường | 30/7/2023 | Ngiên cứu văn bản | Nguồn kinh phí xã hội hóa giáo dục; ngân sách |
| Huy động các nguồn lực mua thêm các trang thiết bị phòng học bộ môn. | Hiệu trưởng; UBND huyện | 30/7/2023 | Nghiên cứu văn bản, sự hỗ trợ của xã hội | Ngân sách nhà nước, xã hội hóa |
| Lập Tờ trình tham mưu Phòng GD&ĐT, Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp kinh phí để sơn lại hệ thống dãy phòng học. | Hiệu trưởng;  Phòng GD&ĐT; Phòng TC - KH | Năm 2023 | Nghiên cứu văn bản; sự hỗ trợ của xã hội | Ngân sách nhà nước, xã hội hóa |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 3.3. Khối hành chính - quản trị**

***Mức 1***

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

***Mức 2***

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

***Mức 3***

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Khối hành chính - quản trị nhà trường đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính -quản trị. Các bộ phận đều có phòng làm việc riêng, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, gồm: Phòng họp hội đồng, Phòng Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, phòng chờ giáo viên, bảo vệ; khu vực vệ sinh, khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Nhà trường có khu để xe dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo về diện tích; bố trí hợp lý, an toàn, trật tự, sạch sẽ, xây dựng kiên cố [H3-3.3-02].

Hàng năm, cán bộ phụ trách công tác cơ sở vật chất nhà trường phối hợp với bộ phận tài chính kiểm tra, kiểm kê tài sản và lập kế hoạch bổ sung, sửa chữa và mua sắm mới các trang thiết bị, đồ dùng cần thiết cho các khối phòng hành chính và khu để xe cho giáo viên và học sinh [H3-3.3-03]; [H1-1.6-02].

***Mức 2***

Khối hành chính - quản trị được xây dựng kiên cố, sắp xếp, bố trí hợp lí, đáp ứng các quy định, thuận tiện cho quá trình làm việc [H3-3.3-01].

***Mức 3***

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các trang thiết bị, được sắp xếp hợp lí, khoa học, đúng quy định và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng có bàn làm việc, máy tính được kết nối Internet, máy in, tủ đựng hồ sơ; phòng Văn thư- kế toán diện tích 28,8 m2 có bàn làm việc, máy tính có nối mạng Internet, máy in, tủ đựng hồ sơ; phòng hội đồng, sinh hoạt chuyên môn có trang bị bàn làm việc với đầy đủ ghế cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng Y tế có tủ đựng các loại thuốc thông thường, có giường, bàn làm việc, máy tính được nối mạng Internet, máy in; phòng Đoàn-Đội đảm bảo bàn ghế, máy tính có kết nối mạng Internet cho các hoạt động của Đội; phòng tư vấn tâm lý học sinh được trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động tư vấn tâm lý; phòng thường trực bảo vệ có bàn làm việc, giường nghỉ và các trang thiết bị khác đáp ứng công tác bảo vệ trường học. Căn tin nhà trường trang bị đầy đủ bàn ghế, các vật dụng cần thiết để phục vụ cho học sinh, không gian phục vụ ăn uống đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Các phòng thuộc khối hành chính - quản trị có đầy đủ các trang thiết bị, được sắp xếp hợp lí, khoa học, đúng quy định và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Có khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh riêng biệt, chắc chắn, thoáng mát, rộng rãi, được bố trí hợp lí, đảm bảo an toàn.

**3. Điểm yếu**

Hệ thống thiết bị đường truyền mạng hay bị hư hỏng, sự cố làm ảnh hưởng đến tiến trình công việc.

Hệ thống sơn tường của Khối hành chính - quản trị xuống cấp không đảm bảo về mĩ quan, an toàn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tiến hành sửa chữa, lắp đặt hệ thống đường truyền mạng đảm bảo hoạt động thường xuyên | Lãnh đạo nhà trường | Không | Định kì hàng tháng trong năm học | Chi thường xuyên; xã hội hóa |
| Lập Tờ trình tham mưu Phòng GD&ĐT, Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp kinh phí để sơn lại khối hành chính-quản trị. | Hiệu trưởng;  Phòng GD&ĐT; Phòng TC - KH | Năm 2023 | Nghiên cứu văn bản; sự hỗ trợ của xã hội | Ngân sách nhà nước, xã hội hóa |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 3.4. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

***Mức 1***

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

***Mức 2***

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

 Khu vệ sinh của nhà trường được bố trí xây dựng riêng biệt dành cho nam, nữ, tách rời với các lớp học đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phù hợp cho việc sử dụng [H3-3.4-01].

Trường có hệ thống thoát nước tốt, không bị ứ đọng vào mùa mưa, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp nước uống và nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-02].

Bố trí các thùng rác quanh sân trường và các phòng học của học sinh, có hợp đồng với công ty thu gom rác đô thị của thị trấn để thu gom rác và xử lý rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh, an toàn theo quy định vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

***Mức 2***

Khu vực vệ sinh tách biệt với hệ thống phòng học, có đường lát gạch rộng rãi nên thuận tiện việc đi lại; khu vệ sinh được thiết kế khép kín, được ốp gạch mềm đảm bảo thông thoáng, phù hợp cảnh quan sư phạm, đúng quy định trường học [H3-3.4-01].

Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt được bố trí đảm bảo thuận tiện, hệ thống nước uống được nhà trường kiểm tra thường xuyên; hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đảm bảo, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, không gây ô nhiễm môi trường; khu vực thu gom và xử lý rác thải thông thường được bố trí riêng biệt, đảm bảo vệ sinh, môi trường đáp ứng quy định. Hằng năm, nhà trường  thực hiện được việc lấy mẫu nước để cơ quan chức năng kiểm nghiệm chất lượng nước sử dụng trong nhà trường [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Các công trình vệ sinh được bố trí hợp lí, không ảnh hưởng đến cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu vực vệ sinh được xây dựng riêng biệt cho nam và nữ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Trường có hệ thống cung cấp nước uống và có nguồn nước sạch đạt tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; có hệ thống thoát nước, thu gom rác thải đạt yêu cầu.

Hằng năm, nhà trường thực hiện được việc lấy mẫu nước để cơ quan chức năng kiểm nghiệm chất lượng nước sử dụng trong nhà trường (giấy kết quả thử nghiệm nước).

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn một số em học sinh, ý thức về việc giữ gìn vệ sinh chung chưa cao, còn thiếu trách nhiệm, thiếu tự giác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công viêc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tăng cường công tác giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường qua các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ… | CB GV NV và học sinh nhà trường | Không | Bắt đầu từ đầu mỗi năm học | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 3.5. Thiết bị**

***Mức 1***

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

***Mức 2***

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

***Mức 3***

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Nhà trường có thiết bị văn phòng và các thiết bị khác, các phòng làm việc được trang bị tủ đựng tài liệu, bàn ghế làm việc, máy tính có kết nối Internet, máy in, giấy in, máy photo, các loại sổ sách, bìa kẹp, máy chiếu, hệ thống loa máy…để phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông 2006 cũng như chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 [H3-3.4-01].

Hằng năm, thực hiện kiểm kê, sửa chữa bổ sung và trang bị thiết bị dạy và học định kỳ vào đầu, giữa và cuối mỗi năm học; xây dựng kế hoạch tu sửa, mua sắm bổ sung nhằm đáp ứng đầy đủ cho công tác dạy học [H3-3.4-01].

***Mức 2***

Hệ thống máy tính hoặc laptop ở các phòng hành chính, tại phòng tin học cho giáo viên và học sinh, đều được kết nối Internet đáp ứng tốt cho công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.4-02].

Có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, đảm bảo chất lượng góp phần tăng thêm các điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhất là đối với chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H3-3.4-01].

Những năm vừa  qua, nhà trường đã rà soát, bổ sung mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thay thế những thiết bị đã cũ, không đạt yêu cầu; khuyến khích giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng phục vụ cho các tiết học [H3-3.4-03].

***Mức 3***

Trường có phòng thí nghiệm và khu vực thực hành có thiết bị cơ bản đáp ứng được các nội dung thực hành; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh các bộ môn của nhà trường [H3-3.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đến dụng cụ, thiết bị dạy học đặc biệt thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; hằng năm, nhà trường mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu dạy và học cũng như nghiên cứu khoa học.

**3. Điểm yếu**

Một số thiết bị dạy học lâu ngày đã có dấu hiệu xuống cấp hoặc không còn chính xác nên trong quá trình sử dụng gặp nhiều hạn chế; số lượng các thiết bị dạy học giáo viên tự làm còn ít về số lượng, chưa phong phú đa dạng, tính thẩm mỹ và hiệu quả sử dụng chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Cán bộ làm công tác thiết bị tiến hành rà soát lên danh mục các thiết bị hư hỏng, quá thời gian sử dụng tham mưu Hiệu trưởng thay thế mới. | Cán bộ thiết bị, hiệu trưởng | Không | Hàng năm | Không |
| Hiệu trường đưa vào kế hoạch giáo dục các đợt, phong trào làm đồ dùng dạy học và đưa vào tiêu chí xét thi đua, khen thưởng cuối năm học. | Hiệu trưởng giáo viên; cán bộ thiết bị | Sửa chữa, mua sắm mới, đồ dung tự làm | Đầu năm học;  Theo các đợt phát động phong trào thi đua | Chi thường xuyên; cá nhân tham gia làm đồ dung tự chi |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | c | **Đạt** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 3.6. Thư viện**

***Mức 1***

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

***Mức 2***

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

***Mức 3***

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường: Có 3560 quyển sách giáo khoa, 1.450 quyển sách giáo viên, có các đầu sách tham khảo, các loại báo theo quy định. Hằng tháng, kỳ có các loại báo: Báo Cần Thơ, báo Giáo dục, tạp chí Dạy và Học, Văn học tuổi thơ, Toán học tuổi trẻ, Thiếu niên tiền phong, Thiếu nhi dân tộc, tạp chí Xây dựng Đảng, ... đáp ứng đủ nhu cầu mượn sách của những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không đủ điều kiện mua sách giáo khoa sách tham khảo, đủ cung cấp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trực tiếp đứng lớp có đủ sách giáo khoa để soạn giảng và các loại sách cho các hoạt động nghiên cứu khoa học [H3-3.6-01].

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh được quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, thực hiện các hoạt động như: Các hoạt động giới thiệu, hướng dẫn thực hiện nội quy và sử dụng thư viện; các hoạt động khuyến đọc, hình thành và phát triển thói quen đọc; các hoạt động hỗ trợ học tập, kết nối; các hoạt động tương tác và phát triển nghiệp vụ cho giáo viên, bao gồm: Giới thiệu danh mục tài liệu phù hợp theo môn học hoặc chủ đề; tư vấn cho giáo viên trong việc sử dụng tài nguyên thông tin để thiết kế bài giảng [H3-3.6-01]; [H3-3.4-02].

Hằng năm, tiến hành kiểm kê, đánh giá hoạt động thư viện, thể hiện qua biên bản kiểm kê; nội dung kiểm tra nội bộ nhà trường. Cơ sở vật chất, thiết bị chuyên dùng được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế kịp thời; kiểm kê, đánh giá tình trạng sử dụng định kỳ hằng năm làm cơ sở cho việc thanh lý tài sản, bố trí kinh phí sửa chữa, thay thế hoặc đầu tư bổ sung. Phần mềm quản lý thư viện bước đầu bảo đảm điều kiện vận hành, nâng cấp phù hợp với yêu cầu hoạt động thư viện [H3-3.4-01].

***Mức 2***

Thư viện nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, ra Quyết định công nhận Thư viện nhà trường THCS đạt chuẩn mức độ theo Thông thư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông [H3-3.4-03].

***Mức 3***

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn mức 1 theo quy định. Hệ thống máy tính của thư viện được trang bị đầy đủ và được kết nối Internet, được trang bị phần mềm quản lý thư viện [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Hoạt động thư viện được phổ biến đến người sử dụng thư viện; được tổ chức theo kế hoạch phê duyệt và đánh giá hiệu quả hoạt động thư viện hằng năm.

Thư viện có vị trí không gian thoáng mát, rộng rãi đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu giảng dạy của giáo viên và học sinh nhà trường. Thư viện trường đạt danh hiệu “Thư viện trường học đạt chuẩn mức 1”; có phòng đọc riêng cho giáo viên với 20 chỗ ngồi và phòng đọc học sinh với 45 chỗ ngồi, có kho sách với tổng diện tích 120 m2. Nhà trường có các tủ sách giáo khoa, sách pháp luật, sách tham khảo; đầy đủ hồ sơ quản lí theo quy định. Hằng năm, nhà trường bổ sung sách, tài liệu tham khảo cho Thư viện của Trường; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của Thư viện; thiết lập các loại sổ sách quản lý cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh mượn sách báo, tài liệu theo quy định. Thư viện có kế hoạch hoạt động cụ thể hàng tháng trong năm học, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc mượn và đọc sách, báo hàng ngày. Hằng năm, trường có tiến hành kiểm kê Thư viện theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Cán bộ thư viện là kiêm nhiệm nên còn hạn chế về mặt chuyên môn, việc khai thác sử dụng phần mềm quản lý các hoạt động của thư viện ít; chưa phát huy hết được các tính năng của phần mềm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| - Nhà trường tạo điều kiện, động viên, khuyến khích cán bộ thư viện tham gia học tập nâng cao trình độ, chuyên môn.  - Cử cán bộ thư viện tham gia tập huấn, học hỏi kinh nghiệm sử dụng phần mềm quản lý các hoạt động thư viện tại các trường bạn. | Lãnh đạo nhà trường; giáo viên nhân viên thư viện | Không | Từ tháng 8 năm 2023 | Chi thường xuyên; cá nhân tự túc |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

Nhà trường được đầu tư xây dựng với khuôn viên xanh sạch đẹp, an toàn, khu sân chơi, bãi tập đủ diện tích đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục; phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập được xây dựng đạt chuẩn, có đủ thiết bị dạy học; khối hành chính - quản trị đáp ứng yêu cầu có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường, có căn tin đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có khu để xe cho giáo viên và học sinh hợp lý an toàn trật tự; khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng theo quy định, rất thuận tiện và được xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường; phòng bộ môn có đầy đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả, thiết bị dạy học và thiết bị tự làm được sử dụng và khai thác hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; thư viện của nhà trường đạt thư viện chuẩn mức 1 theo Thông tư 16 của Bộ giáo dục và Đào tạp, có máy tính kết nối Internet đáp ứng yêu cầu công tác thư viện.

Diện tích mặt bằng của nhà trường tuy đã đạt chuẩn, nhưng chỉ ở mức tối thiểu vì vậy quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh còn bị ảnh hưởng, có nhiều hạn chế. Hệ thống sơn tường của dãy phòng học; tường rào bao quanh; khối hành chính-quản trị đã xuống cấp không đảm bảo về mĩ quan, an toàn trường học, vì vậy nhà trường làm Tờ trình tham mưu các cấp, phòng ban liên quan thuộc UBND huyện cấp kinh phí để tiến hành sơn lại.

Nhân viên phụ trách công tác thư viện chưa đào tạo chuyên sâu về chuyên môn nên việc khai thác và sử dụng các phần mềm quản lí thư viện để áp dụng vào các hoạt động của thư viện chưa tốt.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 3: 1/6 (5/6) tiêu chí chiếm 16,7%

**TIÊU CHUẨN 4. QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI**

**Mở đầu**

Trong những năm học qua, trường THCS Nguyễn Tất Thành đã xây dựng tốt mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Từ đó, trường đã nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, là tổ chức hỗ trợ đắc lực cho trường trong hoạt động khuyến học, khuyến tài. Trường cũng đã phối hợp tốt với  các tổ chức trong và ngoài nhà trường trong việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, cũng như đầu tư cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; tạo điều kiện để tất cả các em học sinh được học tập, vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao phù hợp với lứa tuổi góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Đó là những yếu tố quan trọng đưa thành tích chung của trường ngày càng phát triển.

**Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ học sinh**

***Mức 1***

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

***Mức 2***

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

***Mức 3***

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THCS Nguyễn Tất Thành được thành lập và hoạt động theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ của ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ngay từ đầu năm học nhà trường tiến hành họp Cha mẹ học sinh để triển khai kế hoạch năm học của nhà trường và bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, mỗi lớp có 1 trưởng ban, 1 phó trưởng ban, 1 ủy viên. Tổ chức Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học qua, đề ra phương hướng hoạt động năm học mới và bầu Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường gồm 21 thành viên, gồm 1 trưởng ban, 3 phó ban, 17 thành viên thường trực [H4-4.1-01].

BĐD CMHS trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và từng học kỳ; kế hoạch thể hiện rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm sự phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [H4-4.1-01].

Mỗi năm học tổ chức ít nhất 3 cuộc họp với cha mẹ học sinh đúng quy định của Điều lệ để, BĐD CMHS lớp tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, công khai kết quả giáo dục học sinh mỗi học kỳ, cuối năm học và các biện pháp giáo dục học sinh cá biệt, giải quyết các kiến nghị của CMHS [H4-4.1-01].

***Mức 2***

BĐD CMHS phối hợp chặt chẽ với nhà trường, lớp để xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học, thống nhất chương trình hoạt động với BĐD CMHS. Bên cạnh đó, BĐD CMHS nắm rõ các hoạt động giáo dục của nhà trường, lắng nghe và có ý kiến trao đổi trực tiếp với giáo viên trong các hội nghị cán bộ công nhân viên chức, trong các cuộc họp định kỳ của BĐD CMHS và các hội đồng tư vấn khác của nhà trường để phối hợp thực hiện công tác giáo dục đạo đức, kiến thức, kĩ năng cho học sinh: Cam kết thực hiện an toàn giao thông, phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng khuyến khích học sinh giỏi, huy động học sinh đến trường, vận động học sinh trở lại lớp [H4-4.1-02];[H4-4.1-03].

***Mức 3***

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác huy động các nguồn lực xã hội. Từ đó, đã hỗ trợ tích cực cho mục tiêu giáo dục của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động tuyên truyền chính sách pháp luật cụ thể cho mục tiêu giáo dục nhà trường: Khen thưởng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Quá trình hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo điều lệ cha mẹ học sinh quy định [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh làm việc có kế hoạch rõ ràng, cụ thể, nhiệt tình, trách nhiệm, quan tâm đến con em học sinh tại địa phương, hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục như: Quan tâm và giáo dục học sinh, rèn kỹ năng sống, năng lực của các em. Trong quá trình hoạt động, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vừa vạch ra phương hướng tạo sự chủ động phối hợp tốt với nhà trường. Công tác huy động các nguồn lực xã hội đã giúp nhà trường đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị ngày càng hiệu quả hơn.

**3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh tham dự các hoạt động, phong trào cùng với nhà trường chưa đầy đủ, thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công việc** **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| - Nhà trường và BĐD CMHS tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ, công tác phối hợp để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh; Tổ chức tập huấn cho ban đại diện cha mẹ học sinh về quy định thông tư 55.  - Trong mỗi kì Hội nghị lựa chọn bầu ra các đại diện CMHS nhiệt tình, tâm huyết, có nhiều điều kiện thuận lợi tham gia công tác với nhà trường. | CB GV NV nhà trường; ban đại diện và cha mẹ học sinh toàn trường. | Xây dựng kế hoạch, nội dung phối hợp giữa nhà trường và BĐD CMHS; quy chế thực hiện và các hình thức khen thưởng, phê bình các thành viên cụ thể, rõ ràng, kịp thời. | Tháng 10 năm 2022-2023 và những năm tiếp theo. | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

***Mức 1***

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

***Mức 2***

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

***Mức 3***

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Vào đầu mỗi năm học, lãnh đạo nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tham mưu với cấp Ủy Đảng, Ủy ban nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể thị trấn Đức An, huyện Đắk Song để triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả [H1-1.8-01].

Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của học sinh, cha mẹ học sinh, nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-03]; [H4-4.1-03].

Huy động và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ hợp pháp của các cá nhân, tổ chức phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường đúng quy định. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đến thăm nhà trường, tặng học bổng cho học sinh nghèo vượt khó học giỏi; thành lập chi hội khuyến học nhà trường và hoạt động có hiệu quả, trong đó đặc biệt chú trọng công tác khen thưởng kịp thời cho học sinh có thành tích cao trong học tập, rèn luyện; học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi các cấp và học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập [H4-4.1-01].

***Mức 2***

Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường và tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện tốt nhất để thực hiện: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục, chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch vận động tài trợ, viện trợ, kế hoạch phối hợp với các ban ngành đoàn thể... [H1-1.1-01].

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương: Phối hợp với công an thị trấn Đức An và công an huyện Đắk Song tổ chức tuyên truyền về Luật giao thông đường bộ, cho học sinh ký cam kết về thực hiện ATGT. Chi đoàn, Liên đội tổ chức cho đoàn viên, học sinh lao động vệ sinh chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ huyện Đắk Song, đi thăm gia đình Bà Mẹ Việt Nam anh hùng Châu Thị Nghê. Phối hợp với Trung tâm y tế thị trấn tổ chức các chuyên đề về phòng chống dịch, bệnh...Và sức khỏe tuổi vị thành niên [H4-4.1-02]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

***Mức 3***

Thực hiện tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa; đạo đức lối sống, pháp luật; nghệ thuật, thể dục thể thao; hướng dẫn học sinh các kỹ năng tham gia giao thông an toàn, phòng tránh tệ nạn xã hội; phòng chống tai nạn đuối nước; xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích, được UBND huyện công nhận đạt trường học an toàn và Cơ quan có đời sống văn hóa tốt nhằm từng bước phấn đấu trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.1-02]; [H1-1.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền nhiều vấn đề liên quan đến giáo dục học sinh; các vấn đề cần thiết cho sự phát triển của nhà trường, ngành giáo dục, văn hóa xã hội. Thực hiện tham mưu, phối hợp trong việc huy động được sự đóng góp tự nguyện từ các nguồn lực xã hội hóa.

**3. Điểm yếu**

Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân còn nhiều hạn chế so với yêu cầu của giáo dục trong nhà trường, để huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công  việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch huy động, tiếp nhận tài trợ... | Hiệu trưởng | Nghiên cứu các văn bản | Từ đầu năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo. | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó, đã tranh thủ được sự lãnh đạo của các cấp Ủy Đảng, Chính quyền địa phương về các hoạt động của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Tuy nhiên, công tác phối hợp với chính quyền địa phương chưa được nhịp nhàng, chưa đúng kế hoạch. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay. Một số cha mẹ học sinh trong ban đại diện phải đi làm thường xuyên nên công tác phối hợp và giáo dục con em còn hạn chế.

Với sự nỗ lực của tập thể Hội đồng sư phạm trong những năm tiếp theo nhà trường sẽ phát  huy ưu điểm, đồng thời khắc những hạn chế để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, đưa trường THCS Nguyễn Tất Thành trở trung tâm văn hóa của huyện nhà.

***Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:***

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0%

- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 3: 1/2 (1/2) tiêu chí chiếm 50%

**TIÊU CHUẨN 5. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

**Mở đầu**

Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông, hằng năm được nhà trường thực hiện tốt trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của từng biện pháp, giải pháp về tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học; nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Trong triển khai tổ chức thực hiện chương trình, nhà trường thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương theo qui định và luôn gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn cuộc sống.

Nhà trường thường xuyên triển khai các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo và hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS; quan tâm giáo dục phát triển các kỹ năng sống cho học sinh. Một số học sinh bước đầu đã có khả năng tự nghiên cứu khoa học, công nghệ theo gợi ý, hướng dẫn của giáo viên. Kết quả học lực, hạnh kiểm và tỉ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp THCS đạt mục tiêu kế hoạch đề ra và được cải thiện.

**Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

***Mức 1***

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

***Mức 2***

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

***Mức 3***

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Nhà trường tổ chức, triển khai dạy học đúng, đủ các môn học; các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra. Nhà trường, tổ chuyên môn, giáo viên có kế hoạch giáo dục cụ thể, chi tiết và đảm bảo đúng, đủ chương trình qui định. Giáo viên có xây dựng kế hoạch bài học cụ thể hàng tuần và thể hiện rõ việc thực hiện qua sổ đầu bài ở các lớp. Các hoạt động giáo dục khác đều được tổ chức thực hiện theo đúng mục tiêu giáo dục [H5-5.1-01].

Hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo ban hành. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh [H5-5.1-01].

Các tổ chuyên môn tích cực bồi dưỡng năng lực giáo viên để vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; giáo viên mạnh dạn thay đổi phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, dạy học theo đối tượng, rèn luyện kỹ năng thực hành vận dụng kiến thức, giáo viên mạnh dạn đưa các phương tiện dạy học hiện đại vào trong quá trình giảng dạy, tích hợp chủ đề, tích hợp kỹ năng sống, lồng ghép giáo dục môi trường, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho các em học sinh [H1-1.7-02]; [H5-5.1-02].

Việc nghiên cứu bài học, dạy học theo chủ đề, dạy học theo hướng trải nghiệm được các tổ chuyên môn triển khai tổ chức thực hiên và được thể hiện trong các loại hồ sơ như: Sổ đầu bài; kế hoạch giáo dục của giáo viên, phân phối chương trình. Ngoài ra, các tổ chuyên môn cũng phối hợp với Liên đội tổ chức các hoạt động giáo dục như: Giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, tham quan các Khu di tích lịch sử, tổ chức các Câu lạc bộ, Hội thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, Khoa học kỹ thuật cấp trường, bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường luôn chú trọng và có nhiều đổi mới phương pháp tổ chức kiểm tra định kỳ, thường xuyên: Đa dạng về hình thức, đảm bảo về nội dung nhằm đánh giá học sinh khách quan, hiệu quả như kiểm tra qua sản phẩm, dự án, kiểm tra tự luận đồng thời với trắc nghiệm...hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của bản thân, đánh giá lẫn nhau. Phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì nhằm đánh giá toàn diện, công bằng, đánh giá mang tính quá trình có khả năng phân loại giúp giáo viên và học sinh điều chỉnh kịp thời việc dạy và học [H5-5.1-03].

***Mức 2***

Căn cứ khung chương trình và chuẩn kiến thức quy định, các tổ chuyên môn lập kế hoạch giảng dạy xây dựng chương trình giáo dục, phương pháp dạy học theo từng môn để tổ chức thực hiện giảng dạy bảo đảm phù hợp với đặc điểm của nhà trường, với từng đối tượng học sinh và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh sau khi có sự thống nhất của lãnh đạo đơn vị [H1-1.4-02].

Hàng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khan trong học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, bồi dưỡng học sinh năng khiếu [H5-5.1-01].

***Mức 3***

Trong năm học, vào mỗi tháng, cuối học kỳ hoặc cuối năm học các tổ chuyên môn, bộ phận chuyên môn và nhà trường đều thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập.Trong sinh hoạt hội đồng sư phạm hằng tháng, lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy và học tập theo đúng quy định của ngành. Các sổ đầu bài, sổ theo dõi thực hiện giảng dạy được các tổ chuyên môn và lãnh đạo nhà trường quan tâm theo dõi kiểm tra quá trình thực hiện chương trình dạy học của giáo viên bộ môn [H1-1.4-02]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng được kế hoạch dạy học và thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học theo quy định, không cắt xén nội dung giảng dạy, điều chỉnh phân phối chương trình, kế hoạch giáo dục các môn học ở từng năm học, thời điểm phù hợp với tình hình, thực tế nhà trường đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

Các tổ chuyên môn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục và chất lượng giáo dục theo chỉ tiêu đã đăng ký. Giáo viên vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật, phương tiện dạy học, học sinh có kỹ năng làm việc theo nhóm, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thực hiện tổ chức kiểm tra định kỳ bằng hình thức kiểm tra chung đối với các môn học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Chất lượng giáo dục các hoạt động mũi nhọn có nhiều thay đổi, tỉ lệ học sinh giỏi đạt giải qua các kỳ thi do ngành tổ chức có nhiều tiến bộ.

**3. Điểm yếu**

Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 ở một số môn còn lúng túng về phương pháp, hình thức như môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; môn giáo dục địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công  việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo chuyên môn, các tổ trưởng nghiên cứu các văn bản chỉ đạo triển khai cụ thể đến giáo viên thực hiện giảng dạy các bộ môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; môn giáo dục địa phương. Xây dựng phân công chuyên môn hợp lí, thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện dạy học các bộ môn trên qua dự giờ, test nhanh kiến thức học sinh, sinh hoạt tổ chuyên môn… | Lãnh đạo nhà trường; giáo viên | Không | Đầu mỗi năm học và định kỳ từng học kỳ (tuần cuối tháng 8; giữa học kì I; đầu học kì II) | Không |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

***Mức 1***

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

***Mức 2***

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

***Mức 3***

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Phần lớn cha mẹ học sinh nhà trường làm nghề nông nên có nhiều học sinh còn khó khăn cần được giúp đỡ. Do đó, đầu mỗi năm học nhà trường lập danh sách và xây dựng kế hoạch hỗ trợ tạo điều kiện để các em yên tâm đến trường, tự tin học tập. Ngoài giờ học chính khóa nhà trường còn xây dựng kế hoạch dạy phụ đạo cho học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, trong đó coi trọng hướng dẫn phương pháp, cách học, tính tự giác, tinh thần vượt khó học tập là chính vì các em đa số một buổi đi học, một buổi ở nhà phụ giúp cha mẹ; cùng với đó, nhà trường cũng luôn quan tâm đến công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để các em vươn lên trong học tập và tạo diều kiện cho các em bọc lộ, phát huy năng khiếu, sở trường của bản thân [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Vào đầu năm học nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm nắm tình hình, lập danh sách học sinh nghèo, cận nghèo, gia đình khó khăn nhà trường có kế hoạch phân công giáo viên nhận đỡ đầu, hướng dẫn, giúp đỡ các em trong năm học. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện  giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn phối hợp để lập danh sách báo nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức phụ đạo tập trung đối với môn Ngữ văn, Toán và  Tiếng Anh; riêng các môn còn lại giáo viên bộ môn theo dõi, kèm cặp, hướng dẫn trực tiếp trên lớp. Đối với phong trào học sinh giỏi, nhà trường phân công giáo viên bộ môn có trách nhiệm phát hiện, có kế hoạch quan tâm bồi dưỡng, khuyến khích, định hướng, tạo điều kiện để học sinh giỏi phát huy năng khiếu. Cuối năm học lớp 8, tổ chức tư vấn để học sinh lựa chọn môn bồi dưỡng thành lập đội tuyển các môn học; xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm, có điều kiện, thời gian dạy bồi dưỡng, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn học sinh giỏi tự ôn tập trong hè [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Để tạo nguồn học sinh tham gia các kỳ thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp huyện, cấp tỉnh nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên triển khai cho học sinh xây dựng ý tưởng, sau đó chọn những ý tưởng hay có khả năng ứng dụng trong học tập và thực tiễn cuộc sống để phân công giáo viên, nhóm phụ trách hướng dẫn học sinh tham gia các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng và đạt kết quả tốt. Trường hợp, học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường phân công giáo viên quan tâm kèm cặp, hướng dẫn, kiểm tra kết quả, sự tiến bộ trong học tập của các em trong mỗi học kỳ, nhất là bộ môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh để có sự điều chỉnh, hướng dẫn phù hợp, kịp thời [H5-5.1-01].

Trong từng học kỳ, năm học, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng, rút kinh nghiệm và đưa ra giải pháp, bổ sung vào kế hoạch để làm tốt hơn trong công tác giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, các đoàn thể trong nhà trường luôn quan tâm đến các đối tượng học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho các em học tập, phát huy năng lực [H5-5.2-01].

***Mức 2***

Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm rà soát, lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện của lớp từ đó xây dựng kế hoạch, phương án nhằm giúp đỡ, động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để các em học tập và rèn luyện [H5-5.1-02].

Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhà trường phân công, giao trách nhiệm cho giáo viên bộ môn hướng dẫn, kèm cặp, kiểm tra, giúp đỡ. Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn có nguy cơ bỏ học, học sinh yếu, kém được theo dõi thường xuyên, được hỗ trợ, tạo mọi điều kiện tốt nhất để tham gia học tập. Do đó, kết quả hoạt động giáo dục cho học sinh đạt được mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Tổ chức chỉ đạo giáo viên bộ môn sinh hoạt, hướng dẫn các em có học lực khá, giỏi đăng ký tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi để lựa chọn, thành lập đội tuyển dự thi học sinh giỏi các cấp. Hằng năm, xây dựng kế hoạch và khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm khoa học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống; tham gia các hoạt động, phong trào thể dục thể thao, văn nghệ…[H5-5.1-01].

***Mức 3***

Giáo viên phụ trách văn thể, giáo viên thể dục xây dựng kế hoạch tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, qua đó tuyển chọn học sinh có năng khiếu để thành lập câu lạc bộ, đội tuyển tham gia Hội khỏe Phù Đổng các cấp và các cuộc thi khác. Kết quả học sinh năng khiếu về các môn học, thể dục thể thao, nghệ thuật của trường hằng năm được nâng lên [H5-5.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường luôn quan tâm đến hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Giáo viên luôn quan tâm động viên, khuyến khích và tạo điều kiện tốt để học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt hơn. Các giáo viên được phân công bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu luôn nhiệt tình, có trách nhiệm, tâm huyết hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi. Nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; những học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể dục thể thao được giáo viên kịp thời phát hiện trong quá trình giảng dạy vì vậy, nhà trường luôn luôn có học sinh đạt giải trong các kỳ thi, hội thi về lĩnh vực văn hóa, thể thao, nghệ thuật.

**3. Điểm yếu**

Còn một số học sinh kết quả học tập và rèn luyện chưa cao do các em thiếu chuyên cần, phương pháp học tập chưa phù hợp, cha mẹ ít quan tâm, quản lý đến việc học của các em.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí thực hiện** |
| GVCN bố trí thời gian tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh nhắc nhở, động viên các em, tìm ra nguyên nhân vì sao các em thiếu chuyên cần…và có giải pháp khắc phục thông qua nhiều hình thức như đến thăm nhà, qua trực tuyến; thực hiện các phong trào đôi bạn cùng tiến giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện.  GVBM tư vấn phương pháp học tập phù hợp cho đối tượng học sinh. | CB GV nhà trường; cha mẹ học sinh | Bố trí thời gian, phương pháp hợp lý | Hằng ngày | Không |
| Thường xuyên rà soát những học sinh có học lực yếu kém để tổ chức mở các lớp phụ đạo trên lớp.  Liên kết với các trung tâm rèn luyện kĩ năng sống để mở các lớp phát triển bản thân cho học sinh và tổ chức các buổi hội thảo cho cha mẹ học sinh: Rèn luyện kĩ năng để nuôi dạy con tốt. | Phó hiệu trưởng, GVBM  Hiệu trưởng | Bố trí thời gian hợp lý  Bố trí thời, kinh phí | Hằng tháng  Tuần 15 học kì I; tuần 25 học kì II | Huy động nguồn thu từ xã hội hóa giáo dục |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 5.3. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

***Mức 1***

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

***Mức 2***

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch nội dung giáo dục địa phương dựa theo Công văn số 5977/Bộ GD&ĐT-GDTrH ngày 08 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông; nội dung giáo dục địa phương cấp trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 được biên soạn thành bộ tài liệu giáo dục địa phương của tỉnh Đắk Nông theo từng bài học, chủ đề hoặc theo nhóm chủ đề. Nội dung giáo dục địa phương thuộc 7 lĩnh vực: Văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp đã giúp học sinh hiểu biết thêm về lịch sử địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp vốn có của địa phương [H5-5.3-01].

Ngay từ đầu năm học hằng năm, nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đưa nội dung giáo dục địa phương vào trong chương trình góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử- Địa lý, Giáo dục công dân, Nghệ thuật, Công nghệ nhằm giáo dục di sản, giáo dục tinh thần yêu quê hương đất nước cho các em học sinh [H1-1.8-01].

Trong thực hiện nhiệm vụ, nhà trường có kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo khách quan, hiệu quả như: Cho học sinh sưu tầm hình ảnh, di tích lịch sử, truyền thống văn hóa của người Đắk Nông thực hiện thuyết trình để lấy điểm kiểm tra thường xuyên của môn học. Lãnh đạo trường, các tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch bài dạy, dự giờ giáo dục địa phương giáo viên các môn để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh nội dung cho phù hợp, sát với thực tế nhà trường, địa phương; thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của ngành như lồng ghép vào kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì [H5-5.3-01]; [H5-5.1-03].

  Mỗi năm học, nhà trường đều rà soát, đánh giá, cập nhật nội dung giáo dục địa phương, thực hiện điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương thông qua các theo các văn bản về điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương tỉnh Đắk Nông. Ngoài ra, còn tổ chức biên soạn một số tiết dạy về văn hóa địa phương góp phần phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường thêm phong phú [H5-5.3-02].

***Mức 2***

Việc triển khai nội dung dạy học giáo dục địa phương đã giúp học sinh hiểu biết thêm về văn hóa, Lịch sử, Địa lý, con người, các hoạt động lao động sản xuất của địa phương Đắk Nông nói riêng, Tây Nguyên nói chung. Nội dung giáo dục địa phương được xây dựng sát, phù hợp, đi đôi lý luận gắn với thực tiễn. Qua đó, nâng cao thái độ, nhận thức về rèn đức, luyện tài, góp phần xây dựng quê hương phát triển, giàu đẹp. Bên cạnh các tiết dạy chính khóa trên lớp, nhà trường cho các em tham gia hoạt động trải nghiệm thực tế. Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, nhà trường mời Hội cựu chiến binh huyện  đến tuyên truyền, nói chuyện cho các em về truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương [H5-5.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, nhà trường luôn quan tâm xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giảng dạy. Qua đó, giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu đối với quê hương, đất nước cho học sinh. Trong thực hiện nhà trường có kiểm tra, rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh nội dung Giáo dục cho phù hợp, sát thực tế, từ đó giúp học sinh hiểu rõ hơn về truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương và có trách nhiệm chung tay xây dựng địa phương phát triển giàu đẹp.

Nhà trường thực hiện đầy đủ, lồng ghép nội dung giáo dục địa phương ở từng khối lớp theo phân phối chương trình của các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Mỹ thuật. Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra, rà soát, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp. Giáo viên có ý thức về việc sưu tầm tư liệu, tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc đúng quy định. Trong hoạt động giáo dục, nhà trường chú trọng gắn nội dung giáo dục địa phương với các hoạt động thực tiễn giúp học sinh có những trải nghiệm thực tế để nâng cao hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Tài liệu giáo dục địa phương ở một số môn chưa kịp thời. Chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm thực tế, ngoại khóa cho học sinh, khi tổ chức cũng chỉ thực hiện cho một số ít học sinh, do nguồn kinh phí tổ chức còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu giáo dục địa phương bằng nhiều hình thức để kịp thời giảng dạy: Trên các Links điện tử; tình hình thực tế địa phương… | Lãnh đạo, giáo viên được phân công giảng dạy | Đầu năm học | Thường xuyên | Không |
| Nhà trường dự trù kinh phí của các hoạt động trải nghiệm, thực tế, ngoại khóa trong mỗi năm học để sẵn sàng nguồn kinh phí đáp ứng cho các hoạt động. | Hiệu trưởng; kế toán | Nghiên cứu các văn bản, quy định về thu , chi | Đầu năm học | Chi thường xuyên; xã hội hóa |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | \* | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 3**

**Tiêu chí 5.4. Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

***Mức 1***

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

***Mức 2***

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trong mỗi năm học nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9 và tổ chức thực hiện sinh hoạt hướng nghiệp theo chương trình và tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc tổ chức giáo dục hướng nghiệp các ngành nghề cho học sinh phù hợp với điều kiện của trường, nhu cầu học của học sinh và sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Từ năm học 2021-2022, nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công cán bộ, giáo viên thực hiện giảng dạy hoạt động giáo dục trải nghiệm-hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6,7 [H1-1.4-02].

Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt đầu năm các tổ chức, đoàn thể, tổ Chuyên môn chỉ đạo thực hiện các hoạt động, dạy học trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch đề ra như tổ chức dạy học trải nghiệm thông qua các sản phẩm khoa học kỹ thuật, sinh hoạt câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cờ vua, cầu lông và tổ chức cho học sinh tham gia các trò chơi dân gian trong các dịp lễ, tết…[H4-4.2-03]; [H5-5.2-03].

Để hoạt động giáo dục trải nghiệm hướng nghiệm hoạt động tốt, hằng năm, nhà trường giao nhiệm vụ cho Đoàn TNCSHCM, Tổng phụ trách Đội, phụ trách văn thể, giáo viên Thể dục, Giáo viên chủ nhiệm các lớp phối hợp tổ chức các trò chơi dân gian, hội thao, biểu diễn văn nghệ để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, mừng Đảng, mừng xuân cho học sinh; Đoàn, Tổng phụ trách Đội phối hợp với giáo viên chủ nhiệm tổ chức hoạt động chào mừng 26/3, hội chợ xuân; thăm và quét dọn đồn, đền, di tích lịch sử địa phương…[H1-1.7-01]; [H4-4.2-03].

Nhà trường phân công giáo viên, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tham gia giảng dạy động giáo dục trải nghiệm hướng nghiệm khối 6,7; lãnh đạo nhà trường thực hiện dạy hướng nghiệp nghề cho học sinh lớp 9 với các nội dung định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đạt hiệu quả [H1-1.7-01].

***Mức 2***

Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua tổ chức cho các em trồng và chăm sóc hoa, cây kiểng, cây xanh trong khuôn viên trường; sinh hoạt các Câu lạc bộ năng khiếu như: Câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cờ vua, văn nghệ, câu lạc bộ sáng tạo nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật trong nhà trường, tham gia thăm, chăm sóc, quét dọn đồn, đền, các khu di tích lịch sử địa phương; giới thiệu cho các em về tìm hiểu các nghề, nhu cầu lao động hiện nay, nhất là thời kỳ công nghệ 4.0 giúp các em định hướng nghề nghiệp sau này; đồng thời qua đó các em rèn luyện một số kỹ năng sống, sự năng động sáng tạo trong học tập và sinh hoạt hàng ngày, hình thành nhân cách tốt đẹp [H4-4.2-03].

Trong quá trình thực hiện, có rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo định kỳ và nhận thấy các em đã được mở rộng hơn về kiến thức, hiểu biết về cuộc sống tốt hơn, tự hào hơn về truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước, địa phương; từ đó tích cực rèn luyện bản thân, nâng cao ý thức bảo tồn, phát huy di tích lịch sử-văn hóa và xây dựng quê hương Qua đó các em rèn luyện một số kỹ năng sống, sự năng động sáng tạo trong học tập và sinh hoạt hàng ngày, hình thành nhân cách tốt đẹp. Học sinh khối 9 được tham gia hướng nghiệp nghề 100% và đã giúp các em trong việc lựa chọn tiếp tục học văn hóa hay học nghề phù hợp với điều kiện của bản thân, gia đình, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương, xã hội; tham gia học nghề phổ thông giúp học sinh có thêm kiến thức, rèn luyện kỹ năng cơ bản trong cuộc sống [H5-5.4-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cụ thể phù hợp với điều kiện của trường và nhu cầu của học sinh và triển khai đến từng bộ phận để thực hiện hiệu quả như câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cờ vua, văn nghệ, chăm sóc cây, hoa kiểng, tham gia sáng tạo sản phẩm khoa học kỹ thuật; tổ chức các hoạt động vui chơi như trò chơi dân gian, gian hàng “Hội chợ xuân”... Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp sát thực tế có hiệu quả vì đã giúp học sinh nhìn nhận rõ hơn sự gắn kết giữa lý thuyết với thực tế cuộc sống.

Tổ chức được các buổi (tiết) sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh khối 9 giúp cho các em định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tỉ lệ học sinh tham gia và kết quả đạt được trong quá trình học tập trải nghiệm, hướng nghiệp khá tốt; có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường cùng tham gia với học sinh.

**3. Điểm yếu**

Việc tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm, hướng nghiệp thực tế bên ngoài nhà trường ít chỉ tập trung vào cuối năm học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Tăng cường tổ chức các hoạt động thưc tế cho học sinh tham quan trải nghiệm, hướng nghiệp bên ngoài nhà trường, phân bố đều vào các học kì, mỗi học kì thực hiện 2 lần: Các cơ sở sản xuất, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của địa phương. | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng chỉ đạo chuyê môn nhà trường rà soát kĩ nội dung chương trình lên kế hoạch cụ thể về thời gian, dự trù kinh phí cho các hoạt động | Bắt đầu tháng 9/2023 | Xã hội hóa; chi thường xuyên |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | – | **–** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | |  | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 5.5. Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

***Mức 1***

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

***Mức 2***

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

***Mức 3***

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Trong kế hoạch giáo dục, nhà trường xây dựng nội dung giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập, điều kiện nhà trường và địa phương [H1-1.8-01].

Trong dạy học, các bộ môn đều lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống như giáo dục kỹ năng tham gia giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn thương tích; phòng chống đuối nước; giáo dục kỹ năng dã ngoại. Ngoài ra, trong các hoạt giáo dục trải nghiệm, nhà trường tích cực rèn luyện và giáo dục các kỹ năng sống cho các em học sinh như: Giáo dục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, kỹ năng ứng xử, an toàn giao thông, phòng chống đuối nước, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, thiên tai triển khai [H5-5.4-01].

Để tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh qua các năm học; nhà trường thực hiện góc tuyên truyền phổ biến pháp luật, tuyên truyền dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp, giáo dục lồng ghép qua môn học để rèn luyện Kỹ năng sống cho học sinh; phối hợp với công ty giáo dục kỹ năng sống  để dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; phối hợp với Công an thị trấn, Công an huyện Đắk Song tuyên truyền về An toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn trong trường học .Qua giáo dục các kỹ năng cho thấy: Trong giao tiếp học sinh ứng xử văn hóa, tự tin hơn, tích cực hơn khi tham gia các hoạt động tập thể; có tinh thần trách nhiệm với bản thân và mọi người hơn như: Có ý thức tự bảo vệ sức khỏe, kỹ năng tham gia giao thông an toàn, chống đuối nước và các tai nạn thương tích, các em biết tự bảo vệ chính mình một cách tự giác, trách nhiệm [H1-1.10-01]; [H5-5.4-01].

Việc triển khai giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh đã giúp học sinh nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật, phát huy truyền thống văn hóa địa phương, dân tộc. Các em có lối sống giản dị, lành mạnh hơn, ít vi phạm nội qui, qui định của trường lớp, biết tôn trọng pháp luật, biết lễ phép với thầy cô và người lớn tuổi, biết xây dựng mối quan hệ bạn bè thân thiện, biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của địa phương, con người Đắk Nông.

***Mức 2***

Qua các tiết sinh hoạt lớp, tiết trả bài kiểm tra, hoạt động học tập, thảo luận nhóm, tiếp thu kiến thức và với sự hướng dẫn của giáo viên học sinh đã từng bước biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân và kết quả của các bạn trong lớp [H2-2.4-02].

Tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế học sinh được cọ sát lý thuyết gắn thực tế, đã giúp các em có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống, tin tưởng hơn vào kiến thức đã học, có nhiều khả năng vận dụng được kiến thức vào thực tiễn, từng bước hình thành và phát triển được khả năng và nhân cách của bản thân. Từ đó, hình thành và phát triển, khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ dưới sự hướng dẫn của thầy cô để các sản phẩm sáng tạo khoa học kỹ thuật dự thi và đạt các cấp. Các em ý thức hơn và biết giữ gìn và bảo vệ môi trường ở trường, nơi công cộng; biết tôn trọng pháp luật như: Chấp hành nội qui trường, lớp, có tinh thần đoàn kết; ứng xử văn hóa nơi công cộng, sử dụng điện an toàn, tiết kiệm; chấp hành tốt an toàn giao thông [H2-2.2-03]; [H5-5.4-01].

***Mức 3***

Qua hướng dẫn của giáo viên, bước đầu, học sinh biết xây dựng, trình bày ý tưởng, có khả năng thực hiện ý tưởng, nghiên cứu khoa học, công nghệ để tạo ra sản phẩm. Những năm gần đây, nhà trường đề ra Quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật và phân công giáo viên hướng dẫn, tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật các cấp. Lãnh đạo nhà trưởng, chỉ đạo tổ chức Đoàn Đội, cùng giáo viên chủ nhiệm các gợi ý, hướng dẫn học sinh xây dựng ý tưởng sáng tạo, trình bày ý tưởng, qua đó lựa chọn các ý tưởng hay, chất lượng và phân công giáo viên hướng dẫn nhóm để tạo sản phẩm dự thi các cấp [H2-2.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống; giáo dục phòng chống bệnh tật, chăm sóc sức khỏe cho học sinh thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt chuyên đề, giáo dục và rèn luyện cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh.

Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh có chuyển biến tích cực, trong quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, các em có nhiều hiểu biết xã hội và thực hành pháp luật khá tốt. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Qua hướng dẫn của giáo viên, các em học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bước đầu sử dụng được năng lực, kiến thức tham gia nghiên cứu khoa học; học sinh bước đầu đã có sự yêu thích, say mê nghiên cứu khoa học và biết tạo ra những sản phẩm khoa học dự thi các cấp đạt giải.

**3. Điểm yếu**

Nguồn kinh phí hạn chế chính vì vậy trang thiết bị để cho học sinh thực hành, thực tế chưa được nhiều trong một số hoạt động kỹ năng như: Bơi lội; phòng cháy chữa cháy, nghiên cứu khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Lập kế hoạch xây dựng hồ bơi phục vụ hoạt động rèn luyện kỹ năng bơi lội cho học sinh. | Hiệu trưởng | Bố trí thời gian hợp lý | Từ năm 2023 -> 2024 | 200 triệu đồng (huy đồng nguồn xã hội hóa giáo dục) |
| Tổ chức tập huấn PCCC cho CB, GV, NV và HS 2 lần/năm học. | Hiệu trưởng | Sự phối hợp của cơ quan chức năng PCCC | Năm học 2023 - 2024 | 5 triệu đồng (nguồn chi thường xuyên) |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | \* | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | – | **–** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 5.6. Kết quả giáo dục**

***Mức 1***

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

***Mức 2***

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

***Mức 3***

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

***Mức 1***

Kết quả học lực và hạnh kiểm học sinh nhà trường từ năm 2018-2019 đến 2022-2023 luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đề ra. Học sinh xếp loại học lực loại Khá trong 5 năm liên tiếp đạt trên 37,02%. Học sinh xếp loại học lực Giỏi 5 năm học liên tiếp đạt trên 15,46%;  Học sinh xếp loại Tốt về hạnh kiểm 5 năm liên tiếp đều đạt trên 90% trở lên, học sinh xếp loại Khá về hạnh kiểm 5 năm liên tiếp tỉ lệ luôn dưới 5%.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại Học lực (%)** | **Năm học 2018-2019** | | **Năm học 2019-2020** | | **Năm học 2020-2021** | | **Năm học 2021-2022** | | **Năm học 2022-2023** | |
| **Giỏi** | 81 | 12,01% | 116 | 15,24% | 145 | 17,24% | 165 | 19,4% | 158 | 17,9% |
| **Khá** | 276 | 40,94% | 319 | 41,91% | 359 | 42,68% | 351 | 41,3% | 356 | 40,4% |
| **Trung bình** | 291 | 43,17% | 281 | 36,92% | 336 | 39,95% | 318 | 37,4% | 354 | 40,1% |
| **Yếu, Kém** | 26 | 3,88% | 45 | 5,93% | 1 | 0,13% | 14 | 1,9% | 14 | 1,6% |

Kết quả học lực, hạnh kiểm hằng năm được thể hiện cụ thể trong bảng tổng hợp xếp loại hai mặt giáo dục của nhà trường; sổ gọi tên ghi điểm nhà trường; báo cáo tổng kết của nhà trường.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại Hạnh kiểm (%)** | **Năm học 2018-2019** | | **Năm học 2019-2020** | | **Năm học 2020-2021** | |  | **Năm học 2021-2022** | | **Năm học 2022-2023** | |
| **Tốt** | 554 | 82,1% | 626 | 82,3% | 731 | 86,9% | 777 | | 91,5% | 829 | 94% |
| **Khá** | 115 | 17,1% | 130 | 17,1% | 109 | 12,9% | 70 | | 8,2% | 53 | 6% |
| **Trung bình** | 5 | 0,8% | 4 | 0,6% | 1 | 0,2% | 2 | | 0,3% | 0 |  |
| **Yếu** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | 0 |

Hằng năm tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS đều đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Riêng tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS trong 5 năm học từ 2018- 2019 đến 2022-2023 đạt 100%. Tỉ lệ học sinh đạt Tuyển sinh 10 THPT hằng năm đều đạt từ 97% trở lên [H2-2.4-02].

Trong những năm học qua, kế hoạch giáo dục của nhà trường đều quan tâm đến việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở nhằm định hướng và hướng nghiệp cho các em sau khi tốt nghiệp. Việc tư vấn định hướng nghề cho học sinh được nhà trường triển khai trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp cho nên nên việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở được thuận lợi, hằng năm có khoảng trên 95% học sinh đăng ký thi Tuyển sinh 10 trung học phổ thông, số còn lại các em đăng ký học ở các trường nghề, hoặc học nghề tự do [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

***Mức 2***

Từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023, nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục; tăng cường biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục học sinh. Từ đó, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh được cải thiện, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi đạt theo quy định, học sinh yếu kém giảm dần, hạnh kiểm khá, tốt đạt 100%. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 98%; tốt nghiệp THCS đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra [H5-5.6-02]; [H5-5.6-04].

***Mức 3***

Từ năm học 2018 - 2019 đến 2022- 2023, kết quả học lực và hạnh kiểm học sinh đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực loại Khá, Giỏi ổn định đạt trên 60%; tỷ lệ học sinh yếu, kém không quá 4%; tỷ lệ học sinh xếp loại Tốt về hạnh kiểm đạt trên 95% trở lên, học sinh xếp loại Khá về hạnh kiểm tỷ lệ dưới 5% [H2-2.4-02]; [H5-5.6-04].

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với các bộ phận, tổ chức trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nội quy trường lớp của học sinh từ đó tỉ lệ học sinh khá, tốt luôn ổn định, tăng dần hằng năm [H2-2.4-02]; [H5-5.6-04].

Nhà trường luôn cố gắng thực hiện tốt công tác tham mưu, công tác vận động các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, các tổ chức trong và ngoài nhà trường để quan tâm, chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn để các em an tâm trong học tập. Nhà trường, giáo viên phụ trách phổ cập, giáo viên chủ nhiệm làm tốt công tác phổ cập, phối hợp với chính quyền địa phương, các cấp vận động học sinh ra lớp. Vào đầu năm học nhà trường thống kê những học sinh có hoàn cảnh khó khăn phân công giáo viên hỗ trợ giúp đỡ, vận động các mạnh thường quân tặng quà, tập, quần áo, xe đạp cho học sinh. Qua những việc làm nêu trên đã giúp cho học sinh có động lực phấn đấu vươn lên trong học tập. Do đó, tỷ lệ học sinh bỏ học trong những năm qua không quá 1,32%, số học sinh lưu ban không quá 1,0% [H4-4.1-01]; [H5-5.2-01].

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉ lệ** | **Năm học 2018-2019** | | **Năm học 2019-2020** | | **Năm học**  **2020-2021** | | **Năm học 2021-2022** | | **Năm học 2022-2023** | |
| **Học sinh bỏ học** | 6 | 0,8% | 3 | 0,3% | 3 | 0,35% | 2 | 0,23% | 3 | 0,34% |
| **Lưu ban** | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  |

**2. Điểm mạnh**

Trong 5 năm lại đây, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh có hạnh kiểm Tốt của nhà trường luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Đạt kết quả trên là do công tác phối hợp với Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh được nhà trường thực hiện tốt.

Nhà trường thực hiện tốt việc dạy hướng nghiệp nghề, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Do đó, hằng năm kết quả tốt nghiệp và thi tuyển sinh, xét vào lớp 10 luôn đạt kết quả cao.

**3. Điểm yếu**

##### Công tác phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở còn gặp khó khăn do tâm lý cha mẹ học sinh không muốn cho học sinh học nghề, chỉ muốn cho con học tiếp văn hóa tại các trường phổ thông.

##### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí** |
| Hiệu trưởng tiếp tục triển khai đến cha mẹ học sinh các văn bản về định hướng nghề cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, phối hợp với các trường dạy nghề để tổ chức các buổi tư vấn về nghề nghiệp cho cha mẹ học sinh và học sinh, mời cha mẹ học sinh tham dự các buổi hội thảo về định hướng nghề sau tốt nghiệp trung học cơ sở do các đơn vị có chức năng chuyên môn tổ chức: Sở, Phòng GD&ĐT; các trường nghề. | Hiệu trưởng; cha mẹ học sinh | Mời chuyên gia; các trường nghề | Lồng ghép trong các tiết dạy hướng nghiệp;  Tuần học kì II của năm học | Chi thường xuyên; xã hội hóa |

**5. Tự đánh giá**

**5.1. Xác định từng chỉ báo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | **Đạt** | a | **Đạt** | a | **Không đạt** |
| b | **Đạt** | b | **Đạt** | b | **Không đạt** |
| c | **Đạt** | – | **–** | – | **–** |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Không đạt** | |

**5.2. Kết quả: Đạt Mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Nhà trường thực hiện chương trình đầy đủ, đúng qui định; kế hoach, nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của các đối tượng học sinh; hằng năm có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp, giải pháp, tổ chức các hoạt động giáo dục qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh; nhà trường cũng luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em học tập tốt; kết quả phong trào học sinh giỏi về các môn học, thể thao, nghệ thuật cấp huyện, cấp tỉnh đạt giải ngày càng tăng; chương trình Giáo dục địa phương phù hợp, sát thực tiễn nhà trường và địa phương; nội dung công tác hướng nghiệp, trải nghiệm, phân luồng cho học sinh được quan tâm thể hiện qua các tiết học ngoài giờ lên lớp, Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt Đội, qua các nhóm nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật, các tiết học theo khung chương trình 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Tất cả đã góp phần hình thành, phát triển các kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; từ đó kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh được nâng cao, đạt và vượt mục tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra từ đầu mỗi năm học.

Tuy nhiên, trong tổ chức, thực hiện nhà trường còn gặp một số khó khăn hạn chế như: việc đổi mới phương pháp và dạy học theo chủ đề, tích hợp còn chưa đồng đều trong đội ngũ giáo viên, một số môn còn mang tính hình thức. Nội dung chương trình giáo dục chương trình địa phương vẫn còn có sự gò ép, chưa có nhiều nội dung chương trình mang kiến thức gắn với địa phương, công tác phụ đạo học sinh yếu, kém chủ yếu vẫn còn giao khoán cho giáo viên.

***Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:***

- Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 0%

- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 3: 3/6 (1/4) tiêu chí chiếm 50%

**PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG**

***Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:***

- Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%

- Đạt Mức 1: 28/28 (28/28) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 2: 28/28 (28/28) tiêu chí chiếm 100%

- Đạt Mức 3: 12/28 (4/20) tiêu chí chiếm 42,9%

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường trung học; có xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; mọi Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, văn bản, kế hoạch chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lí giáo dục được triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện đầy đủ. Việc quản lí hành chính, tài sản của trường đúng theo nguyên tắc. Thực hiện đầy đủ các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, địa phương. An ninh trật tự trong trường được đảm bảo; học sinh trường đảm bảo quy định về độ tuổi; thực hiện tốt nhiệm vụ. Khuôn viên nhà trường thoáng mát; cổng trường, biển trường và hàng rào được đầu tư xây dựng cơ bản.

Diện tích mặt bằng của trường đảm bảo để phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Phong trào xây dựng trường “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn” luôn được giáo viên và học sinh quan tâm. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng quy định trong Điều lệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của mình; làm tốt công tác phối hợp. Công tác phối hợp giữa các đoàn thể với nhà trường được lãnh đạo nhà trường quan tâm. Nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy của Bộ Giáo dục và Đào, các quy định chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông, Phòng Giáo dục và Đào tạo Đắk Song.

Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học; kiểm tra đánh giá nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức tự học của học sinh. Duy trì kết quả phổ cập giáo dục -xóa mù chữ hàng năm với tỉ lệ đạt yêu cầu. Quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém; thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian cho học sinh. Chú trọng giáo dục kĩ năng sống, giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, lớp học, nhà trường. Kết quả các mặt giáo dục và hiệu quả đào tạo của nhà trường hàng năm được duy trì ở mức khá.

Tuy nhiên, chất lượng sinh hoạt của tổ chuyên môn đôi khi chưa cao, chưa có nhiều đổi mới; một số tổ ghép nhiều môn, năng lực của giáo viên chưa đồng đều. Hoạt động của chi Đoàn đôi lúc hiệu quả đạt chưa cao, thiếu tính đột phá. Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp còn hạn chế, chưa thường xuyên. Trong lưu trữ hồ sơ đôi khi sắp xếp chưa khoa học. Nhà trường chưa có đủ số nhân viên chuyên trách theo quy định như: Thư viện, Thiết bị chủ yếu là phân công giáo viên kiêm nhiệm chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ. Còn số ít học sinh có biểu hiện cá biệt về đạo đức, tác phong; ý thức thái độ học tập chưa nghiêm túc, chậm khắc phục. Một số thiết bị chưa phù hợp hoặc độ chuẩn xác không cao. Việc tự làm đồ dùng dạy học còn hạn chế. Số ít thành viên của Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa thực sự nhiệt tình với các hoạt động cũng như mọi phong trào của lớp của trường.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu, nhà trường đề ra các giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị trong thời gian tới. Căn cứ vào Điều 6, Chương I, Khoản 1, Mục b của Thông tư số 18/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và quy trình, chu kì kiểm định chất lượng giáo dục và thời hạn công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành. Trường THCS Nguyễn Tất Thành tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục ***cấp độ 2*** và đạt ***mức độ 1*** trường chuẩn Quốc Gia.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Trung học cơ sở. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn.

*Đắk Song, ngày 15 tháng 9 năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |